

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên: Vũ Thị Thùy Linh

Người hướng dẫn: Ts. Vũ Mạnh Hà

HẢI PHÒNG – 2010

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**TÌM HIỂU HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Ở HUYỆN ĐẢO
VÂN ĐỒN - QUẢNG NINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH**

**Sinh viên: Vũ Thị Thùy Linh
Người hướng dẫn: TS. Vũ Mạnh Hà**

HẢI PHÒNG – 2010

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	4
5. Đóng góp của khóa luận.....	5
6. Bố cục của khóa luận	5
Chương I: MÃY VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DU LỊCH BIỂN ĐẢO	6
1.1. Khái niệm.....	6
1.1.1. Biển	6
1.1.2. Đảo	7
1.1.3. Du lịch biển đảo	9
1.2. Du lịch biển đảo ở Quảng Ninh	9
1.3. Thuận lợi và khó khăn của việc khai thác du lịch biển đảo.....	13
1.3.1. Thuận lợi	13
1.3.2. Khó khăn	13
Tiểu kết chương I	15
Chương II: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH BIỂN ĐẢO Ở	
VÂN ĐỒN	16
2.1. Vài nét chung về Vân Đồn.....	16
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	16
2.1.2. Vị trí địa lý	19
2.1.3. Dân số.....	19
2.1.4. Khí hậu	19
2.2. Tài nguyên du lịch tự nhiên	20
2.2.1. Địa hình.....	20
2.2.2. Thủy văn.....	22
2.2.3. Thế giới động vật	24

2.3. Tài nguyên du lịch nhân văn.....	27
2.3.1. Tài nguyên du lịch vật thể.....	27
2.3.2. Tài nguyên du lịch phi vật thể.....	33
2.4. Cơ sở hạ tầng du lịch và cơ sở vật chất phục vụ du lịch	37
2.4.1. Cơ sở hạ tầng.....	37
2.4.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật.....	39
2.5. Sản phẩm du lịch và thị trường khách.....	46
2.5.1. Thị trường khách du lịch.....	49
2.5.1.1. Thị trường khách du lịch quốc tế	50
2.5.1.2. Thị trường khách du lịch nội địa.....	50
2.6. Đánh giá chung	53
2.6.1. Ưu điểm.....	53
2.6.2. Hạn chế.....	54
Tiểu kết chương II.....	54
Chương III: MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ NHẪM PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRÊN HUYỆN ĐẢO VÂN ĐỒN	55
3.1. Định hướng phát triển du lịch	55
3.1.1. Định hướng không gian phát triển và sản phẩm du lịch.....	55
3.1.2. Định hướng đối với thị trường khách	56
3.2. Một số khuyến nghị.....	58
3.2.1. Khuyến nghị đối với Bộ Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch.....	58
3.2.2. Khuyến nghị đối với tỉnh Quảng Ninh.....	58
3.2.3. Khuyến nghị đối với huyện Vân Đồn	59
3.2.4. Khuyến nghị với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn..	59
Tiểu kết chương III	60
KẾT LUẬN.....	61
TÀI LIỆU THAM KHẢO	63
PHIẾU HỎI	66
PHỤ LỤC	69

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Diện tích một số đảo lớn ven bờ biển Việt Nam.....	8
Bảng 2.1. Phân loại địa cảnh khu vực Vân Đồn.....	22
Bảng 2.2. Mức độ thích nghi của nhiệt độ nước biển đối với du lịch	23
Bảng 2.3. Một số giá trị đặc trưng về hải văn khu vực Vân Đồn.....	24
Bảng 2.4. Thực trạng cơ sở lưu trú tại huyện Vân Đồn 2004-2008	40
Bảng 2.5. Thực trạng lao động trực tiếp trong ngành du lịch ở Vân Đồn....	44
Bảng 2.6. Một số tour du lịch đang được công ty du lịch chào bán đến Vân Đồn.....	48
Bảng 2.7. Hiện trạng khách du lịch quốc tế đến Vân Đồn giai đoạn 2004-2007	50
Bảng 2.8. Hiện trạng khách du lịch nội địa đến Vân Đồn giai đoạn 2000 - 2007	51

CÁC KÝ HIỆU VÀ VIẾT TẮT

Tiếng Việt

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân
GD	Giám Đốc
KS	Khách sạn
Nxb	Nhà xuất bản

Tiếng Anh

IUCN	Tổ chức bảo tồn thiên nhiên
UNESCO	Tổ chức Văn hóa, Khoa học, Giáo dục Liên hợp quốc

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cùng với sự phát triển chung của thế giới, Việt Nam đang từng bước khẳng định được uy tín và vị thế của mình trên trường quốc tế. Nền kinh tế Việt Nam một nền kinh tế khởi sắc, đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao cả về vật chất và tinh thần. Thu nhập của người dân tăng lên, thời gian lao động giảm nhờ sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, do đó thời gian rảnh rỗi tăng lên đáng kể. Vì lẽ đó du lịch đã trở thành một xu thế tất yếu, một nhu cầu không thể thiếu trong xã hội có sự phát triển. Bởi vì du lịch không những đáp ứng được nhu cầu vui chơi giải trí đơn thuần mà cũng giúp con người nâng cao sự hiểu biết, giao lưu văn hóa giữa các tộc người, các dân tộc, các quốc gia góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần. Không những thế nó cũng hỗ trợ cho sự phát triển của quốc gia, nơi đón khách, nó đang trở thành một ngành công nghiệp không khói hữu ích đem lại nguồn lợi đáng kể cho quốc gia. Để du lịch phát triển đáp ứng nhu cầu du lịch của con người, đòi hỏi ngành du lịch mỗi quốc gia phải biết khai thác một cách hiệu quả nguồn tài nguyên du lịch của nước mình. Đặc biệt là tài nguyên du lịch biển đảo.

Việt Nam có lợi thế lớn về tài nguyên cho sự phát triển du lịch biển đảo với đường bờ biển dài 3260km, 125 bãi tắm, gần 4000 hòn đảo lớn nhỏ, cùng ưu thế của vùng biển nhiệt đới quanh năm nắng ấm, cát trắng, nước trong, đa dạng sinh học cao, cảnh quan thiên nhiên nguyên sơ, nền văn hóa lịch sử lâu đời giàu bản sắc...Dọc chiều dài bờ biển, mỗi đơn vị lãnh thổ vừa có thế mạnh đặc thù về tài nguyên, vừa có khả năng liên kết tạo ra những sản phẩm du lịch biển hấp dẫn, khả năng cạnh tranh cao.

Quảng Ninh vùng đất đã từ lâu được rất nhiều du khách trong nước và ngoài nước biết đến với các địa danh nổi tiếng như: Vịnh Hạ Long, Vịnh Bái Tử Long, Bãi Tắm Trà Cổ, khu di tích lịch sử văn hóa Yên Tử, chùa Quỳnh Lâm, đền Cửa Ông...

Du lịch biển đảo từ lâu đã là thế mạnh của du lịch Quảng Ninh. Với những lợi thế về tài nguyên du lịch, đặc biệt là tài nguyên du lịch tự nhiên, trong những năm qua ngành du lịch Quảng Ninh đã có sự phát triển nhanh chóng, cơ sở vật chất phục vụ du lịch không ngừng được hoàn thiện, các di tích lịch sử và các thắng cảnh tự nhiên cũng được trùng tu tôn tạo để khai thác phục vụ du lịch. Năm 2007 Quảng Ninh đã đón tiếp và phục vụ hơn 800 ngàn lượt khách quốc tế và hơn 2 triệu lượt khách nội địa. Tổng doanh thu đạt 1,650,000 triệu đồng góp phần vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm.

Tuy nhiên sự phát triển du lịch Quảng Ninh trong thời gian qua chưa tương xứng với tiềm năng và những lợi thế còn mang tính chất riêng lẻ chưa tạo được sự gắn kết hữu cơ giữa các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch với nhau. Du khách đến Quảng Ninh hầu như đến với Hạ Long, trong khi đó một số khu vực khác với tiềm năng du lịch hết sức phong phú với rừng, biển, bãi tắm, hải đảo thì lại chưa được quan tâm đúng mức.

Nằm cách Hạ Long chưa đầy 40km Vân Đồn được biết đến như một trong những điểm du lịch biển hấp dẫn của Quảng Ninh, trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Ninh 2000-2010 Vân Đồn được xác định là một trong bốn không gian phát triển du lịch trọng điểm. Các không gian phát triển du lịch trọng điểm còn lại là: khu du lịch Hạ Long, khu du lịch Móng Cái - Trà Cổ, khu du lịch Uông Bí - Đông Triều - Yên Hưng. Với tài nguyên du lịch phong phú, lịch sử phát triển lâu đời Vân Đồn hội tụ đủ điều kiện để phát triển thành một trung tâm du lịch biển đảo với những sản phẩm du lịch hấp dẫn đặc thù. Tuy nhiên trong nhiều năm qua số lượng du khách đến với Vân Đồn chưa nhiều, doanh thu cũng không thực sự đáng kể. Với mong muốn góp phần vào việc phát triển hơn nữa hoạt động du lịch ở Quảng Ninh nói chung và Vân Đồn nói riêng nên tôi đã lựa chọn đề tài: “TÌM HIỂU HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Ở HUYỆN ĐẢO VÂN ĐỒN- QUẢNG NINH”.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Tìm hiểu hoạt động du lịch ở huyện đảo Vân Đồn nhằm:

- + Đánh giá một cách tương đối và đầy đủ tiềm năng du lịch biển đảo ở Vân Đồn.
- + Chỉ ra được thực trạng hoạt động du lịch biển đảo ở Vân Đồn.
- + Đưa ra các khuyến nghị nhằm khai thác một cách hiệu quả tài nguyên du lịch cho phát triển du lịch khu vực này.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là tài nguyên du lịch và thực trạng hoạt động du lịch biển đảo ở Vân Đồn.

Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: nghiên cứu được giới hạn trong phạm vi biển đảo (bao gồm khu vực ven biển các đảo Cái Bầu, Ngọc Vũng, Quan Lạn, Ba Mùn) thuộc huyện đảo Vân Đồn.
- Về thời gian: việc tìm hiểu được tiến hành trong ba tháng từ ngày 10/04/2010 đến ngày 10/07/2010. Các số liệu được sử dụng trong khóa luận được lấy từ nhiều nguồn khác nhau.

4. Phương pháp nghiên cứu

Khi tìm hiểu hoạt động du lịch ở huyện đảo Vân Đồn tôi đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- + Phương pháp thu thập, phân tích tài liệu.
- + Phương pháp khảo sát thực địa.
- + Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia.
- + Phương pháp quan sát tham dự và phỏng vấn sâu.

Các phương pháp nghiên cứu trên là cách thức cụ thể hay công cụ được sử dụng để nghiên cứu một vấn đề nào đó, nhằm mục đích đi đến kết quả một cách chính xác.

- Phương pháp thu thập, phân tích tài liệu.

Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến, phương pháp này giúp cho tôi có được cái nhìn khái quát hơn về vấn đề mà mình đang tìm hiểu. Tôi đã tiến hành thu thập tài liệu từ các công trình nghiên cứu được đăng

tài trên các phương tiện truyền thông như, đài, báo chí, trên internet, các tác phẩm được in thành sách. Từ sở văn hóa Quảng Ninh, Ủy Ban Nhân Dân Huyện Vân Đồn, Phòng văn hóa huyện Vân Đồn...liên quan đến nhiều lĩnh vực mà trực tiếp là du lịch, hải dương học, khí tượng, thủy văn. Sau đó tôi tổng kết và phân tích các tài liệu thu thập được nhằm đưa ra một cách tổng quát nhất về các số liệu. Do dùng phương pháp thu thập nên lượng thông tin giữa các nguồn tài liệu mà tôi thu thập được không nhất quán về thời gian cũng như thời điểm nghiên cứu và góc độ đánh giá vì vậy mà tôi đã phân loại chúng theo góc độ tin cậy, theo tính cấp thiết rồi hệ thống tổng hợp đưa ra những kết luận có căn cứ.

– Phương pháp khảo sát thực địa

Phương pháp thực địa là một trong những phương pháp quan trọng góp phần làm cho kết quả nghiên cứu mang tính xác thực. Việc điền dã được thực hiện nhằm nghiên cứu điều tra tổng hợp về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nhằm bổ xung, chỉnh sửa, cập nhập số liệu, thông tin đã thu thập. Trực tiếp khảo sát tại một số bãi biển và các đảo thuộc khu vực Vân Đồn giúp tôi có điều kiện theo dõi hoạt động du lịch của Vân Đồn và thẩm nhận giá trị của tài nguyên, bổ xung thêm thông tin, làm căn cứ cho việc đề xuất các giải pháp hợp lý và khả thi.

– Phương pháp lấy ý kiến

Tôi đã tham khảo ý kiến của một số chuyên gia và một số người có chức trách ở địa phương. Những nhận định trên đã giúp tôi định hướng xác thực hơn cho nghiên cứu của mình.

– Phương pháp quan sát tham dự và phỏng vấn sâu

Đây cũng là nhóm phương pháp có ý nghĩa quan trọng đối với đề tài nghiên cứu này, phương pháp này giúp cho tôi nhận thức về vấn đề nghiên cứu sâu sắc hơn, đưa ra được những nhận xét đánh giá xác thực hơn về đề tài nghiên cứu.

Trong các đợt nghiên cứu điền dã tôi đã sử dụng các phương pháp này bằng cách quan sát trực tiếp cuộc sống của người dân địa phương,

hoạt động của du khách và cách thức phục vụ của nhân viên nhà hàng, khách sạn đối với khách du lịch. Tôi cũng trực tiếp phỏng vấn sâu đối với du khách cả trong nước và quốc tế, ngoài ra tôi cũng có một số cuộc tiếp xúc với một số lãnh đạo địa phương, nhân viên trong các nhà hàng, khách sạn... Qua đó giúp tôi hiểu rõ hơn về tâm tư, tình cảm, mong muốn của khách du lịch, cơ quan quản lý và cộng đồng dân cư địa phương đối với việc phát triển hơn nữa hoạt động du lịch ở đây.

5. Đóng góp của khóa luận

- Hệ thống hóa được tài liệu của các tác giả đi trước.
- Khóa luận này đã giới thiệu một cách có hệ thống và đầy đủ về hệ thống tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn của Vân Đồn.
- Đánh giá được thực trạng khai thác tài nguyên du lịch biển đảo cho phát triển du lịch, chỉ ra được những tồn tại, hạn chế trong hoạt động du lịch ở đây.
- Khóa luận cũng đưa ra những khuyến nghị nhằm phát triển du lịch biển đảo ở Vân Đồn.

6. Bố cục của khóa luận

Phần nội dung tìm hiểu của khóa luận được chia làm ba chương.

Chương I: Mấy vấn đề cơ bản về du lịch biển đảo

Chương II: Thực trạng hoạt động du lịch ở huyện đảo Vân Đồn

Chương III: Một số khuyến nghị nhằm phát triển hoạt động du lịch trên huyện đảo Vân Đồn.

Ngoài ba chương trên thì còn có phần mở đầu, phần kết luận, danh mục chữ viết tắt, danh mục bảng, phiếu hỏi, tài liệu tham khảo, phần phụ lục.

CHƯƠNG I

MẤY VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DU LỊCH BIỂN ĐẢO

1.1. Khái Niệm

1.1.1. Biển

Theo tác giả Nguyễn Như Ý trong từ điển Tiếng Việt khái niệm biển được hiểu là “Vùng nước mặn rộng lớn trên bề mặt trái đất hay phần đại dương ven lục địa được ngăn cách bởi các đảo hay đất liền”. Biển cũng được hiểu là phần đại dương bị giới hạn bởi mép lục địa, các đảo và các vùng cao của đáy, có diện tích nhỏ hơn nhiều so với đại dương. Biển có một chế độ thủy văn riêng biệt khác chế độ thủy văn của phần đại dương tiếp cận với một mức nào đó. Biển cũng khác với đại dương về chế độ nhiệt, độ muối, tính chất triều, các điều kiện sinh thái, hệ thống dòng chảy. Khái niệm biển cũng được hiểu là “Một phần của đại dương được tách ra bởi lục địa hay các vùng nổi cao của địa hình đáy”.

Về thực chất biển là một không gian rộng lớn, là một phần của đại dương, tuy nhiên trong khóa luận này sử dụng khái niệm biển với cách hiểu là vùng bờ biển. Có nhiều cách xác định vùng bờ biển dựa trên các quan điểm. Theo quan điểm phát triển du lịch thì “Vùng bờ biển” là khoảng không gian hẹp trong phạm vi tương tác biển - lục địa mà tại đó có các tài nguyên du lịch thu hút khách. Đó thường là khu vực vùng bờ có bãi cát, dải đất hẹp ven biển dùng để phát triển cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch, rừng ngập mặn, vùng vịnh, đầm, phá, cồn cát...

Khu vực biển ven bờ được khai thác bao gồm bãi tắm vùng ven bờ và phong cảnh vùng ven bờ. Vùng ven bờ thường được hiểu như là nơi tương tác giữa đất và biển, bao gồm các môi trường ven bờ cũng như vùng nước kế cận. Theo Tổ Chức Bảo Tồn Thiên Nhiên Thế Giới (1986) vùng ven bờ được định nghĩa “là vùng ở đó đất và biển tương tác với nhau, trong đó ranh giới về đất liền được xác định bởi giới hạn các ảnh hưởng của biển đến đất và ranh giới về biển được xác định bởi giới hạn các ảnh hưởng của đất và nước ngọt đến biển.

Thuật ngữ biển được sử dụng trong khóa luận được hiểu là vùng bờ biển bao gồm khu vực biển ven bờ và phần thềm lục địa nông ven quanh các đảo mà ở đó có thể tổ chức được các hoạt động du lịch như thăm quan, tắm biển, nghỉ dưỡng...

1.1.2. Đảo

Về khái niệm đảo cũng có nhiều cách hiểu nhau. Theo từ điển Tiếng Việt “Đảo là khoảng đất đá lớn nổi lên giữa sông, biển”. Có quan điểm cho rằng “Đảo là kết quả của quá trình hoạt động địa chất lâu dài của vỏ trái đất trong mối tương tác giữa biển và lục địa”. Theo tác giả Nguyễn Văn Phong trong cuốn sách bách khoa về biển “Đảo là phần đất hoàn toàn xung quanh bao bọc bởi nước, thường xuyên nhô lên cao, không bị ngập nước khi mức nước triều lên cao nhất”. Về nguồn gốc hình thành “Đảo có thể là một phần của lục địa do quá trình tách dần và lún xuống của lục địa gây ra hoặc do hoạt động của núi lửa dưới đáy biển tạo nên”.

Thuộc vùng biển Việt Nam có trên 4000 hòn đảo. Về phân bố, khoảng 3000 đảo ở ven biển Quảng Ninh và Hải Phòng, nơi tập chung thứ hai là các tỉnh Kiên Giang và Cà Mau trên vịnh Thái Lan (trên 100 đảo). Còn lại rải rác ở ven biển miền Trung. Khoảng cách giữa đất liền và các đảo là rất khác nhau: đảo Cái Bầu chỉ cách đất liền một rạch triều, trong khi đảo Bạch Long Vĩ cách Hải Phòng tới 135km, đảo Hòn Hải cách bãi biển Phan Thiết tới gần 155km, đảo Thổ Chu cách đảo ông Đốc (Kiên Giang) tới 146km, quần đảo Hoàng Sa cách Đà Nẵng tới 350km và quần đảo Trường Sa nằm cách Vịnh Cam Ranh 450km. Các đảo Hoàng Sa, Trường Sa, Chàng Tây, Thổ Chu, Côn Đảo, Cồn Cỏ, Cô Tô, Bạch Long Vĩ... làm lên hệ thống tiền tiêu có vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

Về cấu tạo địa chất, ven bờ Vịnh Bắc Bộ đặc biệt là khu vực Hạ Long các đảo chủ yếu có cấu tạo từ cacbonat. Dưới chân đảo là những bãi cát với các địa hình tích tụ cát trắng mịn, là những bãi tắm lý tưởng với những kích thước khác nhau từ vài chục một đến vài trăm mét, thậm chí vài

ba nghìn mét (Cô Tô, Ngọc Vũng, Cái Bàu). Theo số liệu điều tra chưa đầy đủ, Hạ Long - Cát Bà đã phát hiện 139 bãi cát với diện tích lớn nhỏ khác nhau, đa số dưới 1ha và có 12 bãi.

Về diện tích, 97% là các đảo nhỏ hơn 0,5km². Các đảo lớn từ 1km² trở lên có 84 đảo, trong đó có 24 đảo có diện tích từ 10km² đến 567km².

Bảng 1.1. Diện tích một số đảo lớn ven bờ biển Việt Nam

STT	Tên Đảo	Diện tích(km ²)
1	Phú Quốc (Kiên Giang)	567
2	Cái Bàu (Quảng Ninh)	200
3	Cát Bà (Hải Phòng)	149
4	Côn Đảo (Bà Rịa –Vũng Tàu)	56,7
5	Hòn Lớn (Khánh Hòa)	45
6	Hòn Tre (Khánh Hòa)	32
7	Vĩnh Thực (Quảng Ninh)	32
8	Phú Quý (Bình Thuận)	32
9	Cô Tô (Quảng Ninh)	23,4
10	Cái Chiên (Quảng Ninh)	10,9

Khái niệm đảo được hiểu là các đảo ven bờ có tiềm năng du lịch và điều kiện tự nhiên để phát triển du lịch. Ở Việt Nam các đảo đáp ứng được chỉ tiêu này có rất nhiều bao gồm các đảo thuộc huyện đảo Vân Đồn (Quảng Ninh), Cát Bà (Hải Phòng), huyện đảo Phú Quý (Bình Thuận), huyện đảo Côn Sơn (Bà Rịa-Vũng Tàu), huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi), Phú Quốc (Kiên Giang)... đây là các đảo ven bờ có nhiều bãi biển, phong cảnh đẹp còn nguyên vẹn vẻ hoang sơ, môi trường trong lành và điều kiện tự nhiên rất thuận lợi để phát triển cho loại hình du lịch biển.

Vị trí các đảo được nghiên cứu chính là các đảo thuộc huyện đảo Vân Đồn đáp ứng được các tiêu chí của đảo du lịch có tiềm năng du lịch và điều kiện phát triển du lịch.

1.1.3. Du lịch biển đảo

Du lịch biển đảo là hoạt động du lịch được tổ chức phát triển trên lãnh thổ vùng ven bờ biển và vùng biển ven bờ (bao gồm cả các đảo ven bờ). Vì vậy hoạt động phát triển du lịch biển đảo ở đây được hiểu chủ yếu là dựa vào đặc điểm tự nhiên và tiềm năng du lịch của lãnh thổ này.

1.2. Hoạt động du lịch biển đảo ở Quảng Ninh

Việt Nam có vị trí chiến lược thuận lợi về biển. Lãnh thổ đất liền Việt Nam được bao bọc bởi bờ biển trải dài 3260km trên 3 hướng Đông, Nam, Tây Nam. Trung bình cứ 100km² đất liền Việt Nam có 1km bờ biển, tỷ lệ vào loại cao so với tỷ lệ trung bình của thế giới (600km² đất mới có 1km bờ biển) . Bờ biển của Việt Nam trải dài từ Bắc xuống Nam vì thế biển có vị trí đặc biệt trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước.

Vùng ven biển Việt Nam hiện gồm 29 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với diện tích tự nhiên là 140.413km², dân số 43,9 triệu (số liệu thống kê năm 2005). Lãnh thổ du lịch biển đảo là nơi hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi với nguồn tài nguyên tự nhiên đa dạng và phong phú cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là du lịch bởi trên lãnh thổ này hiện tập trung 6/7 di sản thế giới(cả vật thể và phi vật thể) ở Việt Nam cùng với sự đa dạng và phong phú về các giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên, nhân văn.

Với tư cách là một trong năm lĩnh vực kinh tế biển quan trọng được xác định tại Nghị Quyết Hội Nghị lần thứ 4 Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng khóa X về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 bao gồm: khai thác; chế biến dầu khí; kinh tế hàng hải; khai thác và chế biến hải sản; du lịch và kinh tế đảo và các khu kinh tế các khu công nghiệp tập trung và các khu chế xuất ven biển gắn với các đô thị, du lịch biển ngày càng khẳng định vị trí của mình đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và đối với sự phát triển ngành du lịch nói riêng.

Vị trí của du lịch biển đảo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội được thể hiện một cách rõ nét qua việc: phát triển du lịch góp phần thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác; tạo nhiều việc làm cho xã hội.

Vùng ven biển và các đảo Việt Nam hiện có khoảng 10 triệu người trong độ tuổi lao động. Việc phát triển du lịch sẽ góp phần tạo việc làm cho cộng đồng dân cư sống ở vùng ven biển, đặc biệt trên các đảo vốn có nhiều khó khăn, góp phần tích cực tạo dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, phát triển hậu phương vững chắc ở tuyến phòng thủ trên biển của đất nước và đảm bảo an ninh quốc phòng ven biển và hải đảo. Thực tiễn phát triển du lịch biển đảo những năm qua đã khẳng định vai trò trên của du lịch.

Quảng Ninh một vùng đất giàu tiềm năng du lịch và khoáng sản, du khách nào khi đến với Quảng Ninh cũng để lại trong mình ấn tượng khó quên về một Hạ Long kỳ thú, một Yên Tử linh thiêng, một Quan Lạn, một Trà Cổ thơ mộng...ở Quảng Ninh cũng đã từ lâu du lịch được coi là ngành kinh tế mũi nhọn đem lại mỗi năm trên 20% GDP toàn tỉnh. Với những lợi thế về nhiều mặt (địa kinh tế - chính trị - xã hội, tài nguyên, sự quan tâm của Đảng và Nhà Nước, lịch sử phát triển), đặc biệt với tài nguyên vô giá Vịnh Hạ Long – đã được UNESCO hai lần công nhận Di Sản Thiên Nhiên Thế Giới, du lịch Quảng Ninh hội tụ các yếu tố “Thiên, thời, địa lợi, nhân hòa” để phát triển và thực tế hoạt động du lịch trên địa bàn đã phát triển nhanh và mạnh mẽ.

Những năm qua ngành du lịch Quảng Ninh không ngừng cố gắng và nỗ lực vươn lên trở thành một trong những trung tâm du lịch trọng điểm của khu vực phía Bắc. Sự phát triển đó có thể nhận thấy thông qua một số chỉ tiêu du lịch như lượng khách, doanh thu, đội ngũ lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

– Về lượng khách

Trong những năm gần đây số lượng khách đến du lịch không ngừng tăng lên nhất là từ sau ảnh hưởng của đại dịch SAT từ các nước trong khu vực.

Năm 2006 tổng số khách du lịch đến Quảng Ninh đạt 2,800,636 lượt, trong đó khách quốc tế đạt 1,385,811 lượt .

Năm 2007 tổng số khách du lịch đến Quảng Ninh đạt 3,175,000 lượt khách, tăng 7% so với năm 2006. Trong đó khách quốc tế đạt 2.046.000 lượt khách, bằng 96% so với năm 2006.

Năm 2008 tổng số khách du lịch đến Quảng Ninh đạt 3.458.500 lượt khách, bằng 92% so với năm 2007. Trong đó khách quốc tế đạt 1.005.800 lượt khách, bằng 96% so với năm 2007.

Năm 2009 tổng số khách du lịch đến Quảng Ninh đạt 3.110.000 lượt khách, tăng 26% so với năm 2008. Trong đó khách quốc tế đạt 2.150.000 lượt khách, tăng 15% so với năm 2008. Tốc độ trung bình đạt 14%, trong đó khách khách quốc tế đạt 13%. Tổng doanh thu năm 2006 đạt 1275 tỷ đồng, năm 2009 đạt 1969 tỷ đồng, tốc độ tăng trung bình là 27%.

Lượng khách du lịch đến Quảng Ninh ngày càng tăng vượt qua cả số dân toàn tỉnh, tính trung bình mỗi người dân Quảng Ninh mỗi năm đón tiếp và phục vụ hơn 2 lượt khách du lịch.

Có rất nhiều yếu tố tạo lên sự hấp dẫn của du lịch Quảng Ninh mà hệ quả là hàng năm đón hàng triệu lượt khách thăm quan. Một trong những yếu tố quan trọng nhất đó chính là tài nguyên du lịch biển đảo. Với hơn 2000 hòn đảo lớn nhỏ đã tạo ra ở Quảng Ninh những dạng địa hình hết sức đa dạng, từ những đảo rất nhỏ như hòn Gà Chọi, Hòn Đỉnh Hương cho đến những đảo lớn có diện tích tới vài chục km² như Tuần Châu, Quan Lạn, Cái Bầu, Ngọc Vũng...đặc biệt là dạng địa hình kaster Hạ Long với những giá trị ngoại hạng về cảnh quan thẩm mỹ và địa chất diện mạo. Chỉ tính riêng khu vực biển đảo Quảng Ninh hằng năm thu hút hơn 90% lượng khách du lịch mà Hạ Long là điểm đến có số lượng du khách thăm quan lớn nhất.

Một khu vực biển đảo khác ở Quảng Ninh cũng đang bắt đầu được khách du lịch quan tâm đó chính là huyện đảo Vân Đồn với những bãi biển hoang sơ tuyệt đẹp như Quan Lạn, Ngọc Vũng, Minh Châu đang còn chờ những dấu chân du khách đến để khám phá.

– Về doanh thu

Cùng với sự gia tăng số lượng khách, doanh thu từ du lịch Quảng Ninh cũng không ngừng tăng lên.

Năm 2006 , tổng doanh thu đạt 1.160.000 triệu đồng, tăng 21% so với năm 2005; Trong đó doanh thu trực tiếp từ các đơn vị du lịch đạt 982.600 triệu đồng, tăng 24% so với năm 2003.

Năm 2007, tổng doanh thu đạt 1.234.000 triệu đồng, tăng 98% so với năm 2006; Trong đó doanh thu trực tiếp từ các đơn vị du lịch đạt 1.075.350 triệu đồng, tăng 11% so với năm 2006.

Năm 2008 , tổng doanh thu đạt 1.465.000 triệu đồng, tăng 23% so với năm 2007; Trong đó doanh thu trực tiếp từ các đơn vị du lịch đạt 1.582.070 triệu đồng, tăng 22% so với năm 2007.

Về hệ thống cơ sở lưu trú, năm 2004 toàn tỉnh có 28 cơ sở lưu trú với tổng số 330 phòng nghỉ, trong đó 19 khách sạn được xếp hạng từ 1-4 sao với 211 phòng. Đến hết năm 2006 con số này đã phát triển tương ứng là 40 cơ sở lưu trú và 427 phòng, trong đó 75 khách sạn được xếp hạng từ 1- 4 sao với 4300 phòng. Năm 2009 là 60 cơ sở lưu trú với 700 phòng.

– Về lao động

Lao động trong ngành du lịch, số lượng lao động trực tiếp và gián tiếp trong ngành du lịch cũng phát triển khá nhanh. Năm 2001 toàn tỉnh có 9500 lao động trực tiếp và khoảng 19000 lao động gián tiếp. Đến năm 2009 số lao động trực tiếp là 25000 và khoảng 40000 lao động gián tiếp.

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu và kết quả trên thì du lịch Quảng Ninh cũng bộc lộ một số hạn chế:

– Sản phẩm du lịch còn nghèo và đơn điệu;

– Chất lượng dịch vụ còn thấp;

– Quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch chưa tốt;

– Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp. Nhân lực trong ngành du lịch số đông chưa được đào tạo chính quy, số lao động được đào tạo chuyên ngành du lịch chỉ chiếm 50%. Hầu hết các lĩnh vực đòi hỏi chuyên môn và

ngoại ngữ như quản lý khách sạn, hướng dẫn, lễ tân...đều thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

1.3. Thuận lợi và khó khăn của việc khai thác du lịch biển đảo

1.3.1. Thuận lợi

Vùng biển và hải đảo thường là nơi có phong cảnh đẹp, hoang sơ, trong lành, có tài nguyên du lịch đa dạng và phong phú, bao gồm cả tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn, là tiền đề quan trọng để phát triển nhiều loại hình du lịch biển hấp dẫn bao gồm: du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao – mạo hiểm, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch thăm quan – nghiên cứu, du lịch tàu biển, du lịch hội thảo – hội nghị...

Cư dân sống ở khu vực này có những nét văn hóa đặc trưng mang đậm dấu ấn của biển là một trong những điều kiện hết sức quan trọng hấp dẫn khách du lịch.

Các khu vực biển ven bờ là các khu vực địa lý thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội là các điều kiện cơ bản cần thiết cho việc phát triển du lịch.

1.3.2. Khó khăn

Mặc dù luôn tiềm tàng một tài nguyên du lịch phong phú là cơ sở cho việc phát triển các hoạt động du lịch và thu hút khách du lịch. Tuy nhiên việc tổ chức các hoạt động du lịch và khai thác tài nguyên du lịch gặp rất nhiều khó khăn đặc biệt là trên các đảo. Những khó khăn thường gặp ở đây là về xây dựng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, trình độ nhận thức của người dân địa phương, trình độ nguồn nhân lực du lịch, về vận chuyển đi lại và chi phí sinh hoạt...

Đối với các đảo ngoài khơi do vị trí đảo nằm trên biển lại có địa hình hiểm trở nên việc đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất khó khăn hơn rất nhiều so với việc đầu tư phát triển trên đất liền. Đầu tư xây dựng tại đảo rất tốn kém thông thường gấp đôi ở đất liền do phí vận chuyển vật liệu từ đất liền ra đảo cao, đối với các đảo xa đất liền việc vận chuyển còn khó khăn hơn nhiều lần.

Nhân lực cũng là một vấn đề gây khó khăn cho phát triển hoạt động du lịch. Do điều kiện và trình độ của nguồn nhân lực tại chỗ yếu kém các doanh nghiệp kinh doanh du lịch đặc biệt là các khách sạn tiêu chuẩn quốc tế muốn tồn tại phải kéo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn từ các thành phố lớn ra, dù trả lương cao nhưng họ vẫn thường bỏ về trước thời hạn. Còn đào tạo nhân lực tại chỗ thì phải có một thời gian dài.

Một vấn đề khó khăn nữa thường gặp phải đó là vấn đề về trình độ dân trí. Hầu hết các đảo thường nằm xa đất liền ngoài việc khó khăn về xây dựng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch thì trình độ dân trí của cư dân địa phương cũng là một trong những vấn đề cản trở cho hoạt động du lịch. Ở Việt Nam trừ một số hòn đảo lớn có cư dân sinh sống tương đối đông, vị trí địa lý không quá xa đất liền, có điều kiện thuận lợi về giao thông cả đường thủy, đường bộ, đường hàng không như đảo Phú Quốc (Kiên Giang), đảo Cát Bà (Hải Phòng) là có trường cấp ba còn lại hầu hết các đảo có dân cư sinh sống thì mới chỉ có trường cấp hai, học sinh muốn học lên nữa thì phải vào đất liền học trong các trường nội trú hoặc các trường phổ thông của thành phố, thị xã, thị trấn. Ngoài ra do nhận thức của người dân từ bao thế hệ chỉ quen với việc mưu sinh từ khai thác các nguồn lợi của rừng và biển họ chưa hề quen với việc đón tiếp và phục vụ khách du lịch nên cũng gây khó khăn cho hoạt động này.

Vấn đề về chi phí cho việc đi lại và sinh hoạt của du khách cũng là nguyên nhân gây khó khăn cho phát triển du lịch biển đảo. Giá cả sinh hoạt ở khu vực này thường đắt hơn so với đất liền 20-30% do các vấn đề khó khăn về khoảng cách địa lý. Có thể lấy ra đây một ví dụ như một minh chứng điển hình cho những khó khăn gặp phải trong việc phát triển các hoạt động du lịch ở những khu vực biển đảo đặc thù đó là du lịch tới đảo Cô Tô.

Giao thông tới đảo Cô Tô rất hạn chế. Mỗi ngày chỉ có một chuyến tàu từ đảo vào đất liền và một chuyến từ đất liền ra đảo. Phương tiện vận chuyển tại đảo ít. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch hầu như chưa có gì ngoài

một nhà khách Ủy Ban Huyện có hơn chục phòng và một vài nhà khách nhỏ của các ngành chức năng như bưu điện, thuế. Cô Tô chưa có nhà hàng mà chỉ có một vài quán ăn đơn giản. Cô Tô chưa có mạng lưới điện quốc gia, nguồn cung cấp điện chính là các máy phát và nguồn điện năng lượng mặt trời, điện không đủ cung cấp cho dân và cho hoạt động kinh tế xã hội nên điện thường được cung cấp theo giờ nhất định. Hơn nữa do Cô Tô là đảo tiền tiêu nên hiện nay việc đưa khách ra đảo phải xin giấy phép biên phòng cũng là một trở ngại cho việc thu hút khách du lịch. Thông tin chung về đảo và tiềm năng du lịch rất thiếu, chưa có ấn phẩm, tài liệu giới thiệu đầy đủ về tiềm năng du lịch của đảo. Với điều kiện như vậy Cô Tô không đủ khả năng tiếp đón khách với số lượng lớn.

Tiểu kết chương I

Chương I của đề tài đã giải quyết được nhiệm vụ tìm hiểu thứ nhất là làm rõ cách hiểu về khái niệm biển, đảo, biên đảo và du lịch biển đảo. Chương I cũng đề cập một cách khái quát hoạt động du lịch biển đảo ở Quảng Ninh. Cuối cùng chương I chỉ ra được những thuận lợi và khó khăn của việc khai thác du lịch trên một vị trí lãnh thổ đặc trưng là địa hình biển đảo.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Ở HUYỆN ĐẢO VÂN ĐỒN

2.1. Vài nét chung về Vân Đồn

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Địa danh Vân Đồn đã có từ lâu đời, trải qua nhiều biến cố của lịch sử, vùng đất này cũng có nhiều thay đổi về mặt địa lý hành chính và tên gọi.

Vào thời Hùng Vương (279TCN - 258TCN) Vân Đồn thuộc bộ Ninh Hải, nước Văn Lang.

Thời nhà Thục (258TCN – 208TCN) thuộc bộ Ninh Hải nước Âu Lạc.

Thời thuộc Triệu (208TCN – 111TCN) thuộc bộ Ninh Hải nước Việt Nam.

Thời kỳ bắc thuộc lần thứ nhất (111TCN – 40) thuộc quận Giao Chỉ.

Thời Ngự – Đinh – Tiền Lê (Lê Đại Thành)(938 – 1009) thuộc lộ Triệu Dương(cũng được gọi là trấn Triệu Dương).

Thời lý (1010 – 1225) Quốc hiệu Đại Việt đổi trấn Triệu Dương thành Châu Vĩnh An (vào năm 1013). Dưới đời vua Lý Anh Tông năm 1149 lập trang Vân Đồn gồm các đảo thuộc quần đảo Vân Đồn làm nơi buôn bán với nước ngoài.

Thời Trần (1225 – 1400) Quốc hiệu Đại Việt. Năm 1242 Trần Thái Tông đổi Châu Vĩnh An thành Lộ Hải Đông có 8 huyện: Yên Bang, Chi Bang, Yên Lập, Yên Hưng, Tân An, Đại Lộc, Vạn Ninh, Vân Đồn (Trước năm 1945 cả đảo Kế Bào mới có một xã là Đại Lộc. Huyện Vân Đồn ngày nay là huyện Đại Lộc và huyện Vân Đồn thời Trần.

Năm 1285 Trần Nhân Tông đổi lộ Hải Đông thành lộ An Bang. Năm 1397 Trần Anh Tông đổi lộ An Bang thành lộ Phủ Tân An.

Thời Hồ (1407–1427) năm 1427 Hồ Hán Thương đổi lộ phủ Tân An thành Châu Tĩnh An có 8 huyện: An Đông, Văn Phong, Tân An, An Hòa, An Lộc, Đại Lộc, An Ninh, Vân Đồn. Huyện Vân Đồn ngày nay là huyện Đại Lộc và huyện Vân Đồn thời Hồ hợp lại.

Thời thuộc Minh (1417 – 1427). Đời Trần Quý Khoáng, năm Tân Mão 1411, nhập huyện Đại Lộc vào huyện Tân An, huyện Vân Đồn ngày nay gồm huyện Vân Đồn và một phần đất của huyện Tân An.

Đời Lê Thái Tổ năm mậu thân 1428 thuận thiên năm thứ nhất chia đất nước thành 15 đạo Thừa Thiên và một phủ Trung Đô, dưới Đạo Thừa có phủ và châu, dưới phủ có huyện, huyện Vân Đồn thuộc đạo Thừa Tuyên Yên Bang.

Thời Hậu Lê (thời Lê Trung Hưng hay Lê Trịnh). Đời Lê Anh Tông (1557) vì tránh tên húy của nhà vua là Lê Duy Bang, Trấn An Bang đổi thành Yên Quang có một phủ Hải Đông, ba huyện (Chi Phong, An Hưng, Hoàn Bồ) và ba châu (Vạn Ninh, Vĩnh An, Vân Đồn). Vân Đồn ngày nay gồm một phần đất của Châu Vĩnh An và Châu Vân Đồn thời Hậu Lê.

Đời Lê Đế Duy (1731) Vân Đồn ngày nay là đất của châu Vân Đồn và một phần đất của châu Vĩnh An.

Thời Nguyễn (1802 – 1945). Năm 1836 Vua Minh Mạng đổi Châu Vân Đồn thành Tổng Vân Hải. Ngày 10 – 10 – 1890 Thành Thái năm thứ 7, Phủ toàn quyền Pháp ra nghị định thành lập hai làng người Việt ở đảo Kế Bào (Cái Bàu).

Năm 1923 chính quyền bảo hộ Pháp lập tổng Vân Hải sát nhập vào huyện Hoàn Bồ.

Cách mạng tháng 8 – 1945 thành công, huyện Vân Đồn thuộc Châu Cẩm Phả, bao gồm: Thị xã Cẩm Phả và huyện Vân Đồn ngày nay.

Ngày 19 – 7 – 1946, Bộ nội vụ ra nghị định số 269-NV/NĐ tạm lập lại tỉnh Quảng Yên và khu đặc biệt Hòn Gai, ủy ban hành chính khu Đặc Biệt, chịu quyền điều khiển, kiểm soát trực tiếp của ủy ban hành chính Bắc Bộ. Khu Đặc Biệt Hòn Gai gồm: Cẩm Phả bến, Cẩm Phả mỏ, Hà Tu, Hà

Lâm, Hòn Gai, Bãi Cháy và Châu Cẩm Phả (gồm đảo Cái Bàu và phố Ba Chẽ).

Ngày 9 – 7 – 1947, Bộ nội vụ quốc phòng ra quyết định số 99-NV/QP chuyển các phủ huyện Kinh Môn, Nam Sách, Chí Linh (thuộc tỉnh Hải Dương); Thủy Nguyên thuộc tỉnh Kiến An và khu Đặc Biệt Hòn Gai thuộc quyền điều khiển của ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Yên sát nhập đặc khu Hòn Gai với tỉnh Quảng Yên thành liên tỉnh Quảng Hồng, đảo Cái Bàu thuộc liên tỉnh Quảng Hồng.

Ngày 26 – 12 – 1948, ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu I ra quyết định số 420-TGY, chia tỉnh Quảng Hồng thành tỉnh Quảng Yên và Hòn Gai gồm thị xã Hòn Gai, thị xã Cẩm Phả và huyện Cẩm Phả.

Ngày 6 – 3 – 1957, Ủy ban hành chính Hồng Quảng ra quyết định số 336-TCCB chia xã Vân Hải thành 4 xã: Quan Lạn, Bản Sen, Ngọc Vũng, Minh Châu.

Ngày 12 – 12 – 1957 Ủy ban hành chính khu Hồng Quảng ra quyết định số 622-TCCB thành lập xã Vạn Hoa

Ngày 16 – 7 – 1964, Bộ nội vụ ra quyết định số 198-NV, sát nhập xã Cô Tô và xã Thanh Lâm vào huyện Cẩm Phả.

Ngày 16 – 9 – 1966, Hội đồng Chính Phủ ra quyết định số 185-CP, sát nhập xã Thắng Lợi thuộc thị xã Cẩm Phả vào huyện Cẩm Phả.

Ngày 16 – 1 – 1979 Hội đồng chính phủ ra quyết định số 17-CP giải thể xã Văn Châu sát nhập vào xã Cộng Hòa, chuyển đất đai dân cư xã Cộng Hòa về thị xã Cẩm Phả, sát nhập xã Cộng Hòa của huyện Cẩm Phả vào thị xã Cẩm Phả.

Ngày 10 – 9 – 1981, Hội đồng Bộ Trưởng ra quyết định số 63-HĐBT, giải thể xã Tân Hải, sát nhập vào xã Ngọc Vũng, giải thể xã Ngọc Hà sát nhập vào xã Đông Xá và xã Hạ Long, thành lập thị trấn Cái Rồng huyện Cẩm Phả.

Ngày 16 – 4 -1988, Hội đồng Bộ Trưởng ra quyết định số 6HĐBT hợp nhất xã Vạn Yên và xã Vạn Hoa thành xã Vạn Yên.

Ngày 23 – 3 – 1994, chính phủ ra quyết định số 28/CP, tách hai xã Cô Tô và Thanh Lân của huyện Cẩm Phả để thành lập huyện Cô Tô. Đổi tên huyện Cẩm Phả thành huyện Vân Đồn.

2.1.2. Vị trí địa lý

Huyện Vân Đồn là một huyện đảo thuộc phía Đông Nam của tỉnh Quảng Ninh có diện tích tự nhiên là 1.620,83km² (trong đó đất nổi là 59.676 ha) được hợp thành bởi hai quần đảo Cái Bàu (còn gọi là Kê Bào) và quần đảo Vân Hải với hơn 600 hòn đảo lớn, nhỏ (đất, đá xen lẫn nhau) trên Vịnh Bái Tử Long. Phía Bắc và Đông Bắc giáp với huyện Tiên Yên và Đầm Hà, phía Đông Nam Giáp với huyện Cô Tô, phía Tây giáp với thị xã Cẩm Phả và thành phố Hạ Long (trung tâm kinh tế, chính trị, thương mại, du lịch) của tỉnh Quảng Ninh.

Vân Đồn nằm trên quốc lộ 18A từ Hà Nội đi Móng Cái, cách cửa khẩu quốc tế Móng Cái trên 100km. Vân Đồn có 11 xã và một thị trấn, trong đó có hai quần đảo. Quần đảo Cái Bàu và thị trấn Cái Rồng là trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội của huyện và 6 xã: Đông Xá, Hạ Long, Vạn Yên, Đoàn Kết, Bình Dân, Đài Xuyên. Quần đảo Vân Hải có 5 xã: Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vòng, Thắng Lợi, Bản Sen.

2.1.3. Dân số

Tính đến ngày 31 – 12 – 2005, dân số huyện Vân Đồn có 40.764 người, 9.130 hộ với 9 dân tộc anh em: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mường, Sán Dìu, Cao Lan, Hoa và Thán Sín cùng chung sống hòa hợp. Dân cư phân bố không đều trên 20 hòn đảo, tập chung đông nhất ở đảo Cái Bàu và Đảo Quan Lạn.

Quá trình hình thành dân cư ở đây trải qua nhiều biến cố của lịch sử, số người gọi là dân gốc phần lớn là đồng bào dân tộc ít người Sán Dìu, người kinh chủ yếu là dân Đồ Sơn – Hải Phòng và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, một số dân tộc ở nơi khác bị phong kiến phương Bắc, đế quốc thực dân, chủ mở bóc lột phải bỏ quê hương, hăm hở đi di cư đến đây để kiếm kế sinh nhai.

2.1.4. Khí hậu

Cũng như các vùng biển khác ở Miền Bắc, Vân Đồn nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa song khí hậu ở đây mang nặng tính chất hải đảo: nóng ẩm, mưa nhiều.

Từ tháng 3 đến tháng 8 gió Đông Nam từ biển thổi vào mát mẻ.

Từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau khí hậu lạnh do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc thổi về nên mùa đông ở đây hay có hiện tượng sương mù. Tuy nhiên do là vùng đảo lên nhiệt độ không bao giờ xuống dưới 0° như ở các vùng núi cao.

Lượng mưa trung bình năm ở khu vực quần đảo Cái Bầu là 1748mm, ở quần đảo Vân Hải là 2442mm.

Nhiệt độ trung bình năm trên 22°C, độ ẩm không khí 84% đặc biệt đây là vùng đảo lên từ xưa đến nay Vân Đồn chưa bao giờ phải đối diện với hiện tượng lụt lội.

2.2. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Các hợp phần của tự nhiên là điều kiện cần thiết cho hoạt động du lịch. Trong những trường hợp cụ thể, một số tính chất của các hợp phần đó có sức thu hút hấp dẫn du khách. Do vậy, chúng được trực tiếp khai thác vào mục đích kinh doanh du lịch nên trở thành tài nguyên du lịch tự nhiên. Các hợp phần đó là: địa hình, thủy văn, thế giới động thực vật.

2.2.1. Địa hình

Địa hình là hình thái bên ngoài của vỏ trái đất được tạo ra bởi các quá trình địa chất lâu dài. Trong chừng mực nhất định, mọi hoạt động sống của con người trên một lãnh thổ đều phải phụ thuộc vào địa hình. Đối với hoạt động du lịch, điều quan trọng nhất là đặc điểm hình thái địa hình, nghĩa là các dấu hiệu bên ngoài của địa hình và các dạng đặc biệt của địa hình có sức hấp dẫn đối với hoạt động du lịch.

Địa hình của Vân Đồn hết sức đa dạng, có rừng, có biển, có đảo đá, đảo đất. Chính những kiểu địa hình ấy đã tạo cho cảnh quan thiên nhiên Vân Đồn có những nét đặc trưng, hấp dẫn đặc biệt.

Hệ thống đảo ở các khu vực Vân Đồn hầu hết nằm trong đới địa chất duyên hải Bắc Bộ, hướng cấu trúc kiến tạo Đông Bắc – Tây Nam, song song với bờ biển của đất liền.

Trên các đảo là địa hình đồi núi thấp, hoặc những dãy núi đá từ 100m đến 300m so với mặt nước biển, đỉnh cao 307m trên đảo Ba Mùn, 282m trên đảo Trà Ngộ Lớn, 320m trên đảo Trà Ngộ Nhỏ, 232m trên đảo Sâu Nam dốc đứng dạng vách sát mép biển. Độ dốc trung bình 25°. Trong lòng những núi đá vôi này ẩn chứa nhiều hang động kỳ vĩ như: hang Soi Nhụ, hang Hà Giắt, động Hang Trong, với hệ thống thạch đá và nhũ đá rất đẹp song còn nguyên sơ vì chưa có sự tác động của bàn tay con người. Ngoài ra trong các hang động này còn chứa đựng cả những giá trị lớn lao về lịch sử, tại một số hang động đã tìm thấy nhiều di chỉ, hiện vật thuộc nền văn hóa Hạ Long.

Ven chân các đảo có nhiều vũng, bãi gian triều đất bùn hoặc nhiều bãi cát hẹp, bãi đá do xô trượt từ núi xuống hoặc nổi tự nhiên, một số bãi đá góc chân đảo rộng từ 30m đến 70m ngập chiều theo chu kỳ. Một số vùng rộng vừa có bãi bùn, vừa có bãi cát, bãi đá, vừa có chỗ sâu, cảnh quan đẹp, thuận lợi leo trú tàu thuyền, diện tích hàng trăm hecta như vùng Cái Quýt, vũng Ô Lợn (đảo Ba Mùn), bãi cát dài hàng cây số ở bán đảo Minh Châu – Cửa Đồi – Hòn Trụi trên đảo Quan Lạn.

Đất trên các đảo hầu hết thuộc loại đất Feralít vàng nhạt trên đá mẹ cát kết, cuội kết, tầng đất mỏng dưới 40cm, nghèo chất dinh dưỡng và khô hơn. Từ độ cao địa hình từ 100m trở lên là các đảo núi đất, phần nhiều tầng đất dày và giàu dinh dưỡng, đặc biệt có rừng che phủ và độ ẩm cao.

Bảng 2.1. Phân loại địa cảnh khu vực Vân Đồn

TT	Địa cảnh quan nổi	TT	Địa cảnh quan chìm
1	Núi đất có rừng thường xanh và thảm thực vật tổng hợp	9	Thảm cỏ biển, rong biển trong hệ thực vật thủy sinh
2	Núi đá vôi có rừng thường xanh và thảm thực vật tổng hợp nhiều hang động Cù Lao và những hòn nổi nhỏ	10	Rạn san hô, vĩa san hô, cụm san hô
3	Rừng ngập mặn	11	Bãi đá ngầm
4	Vũng thung, áng không có thảm rừng	12	Đồng bằng tích tụ ngầm đáy biển
5	Bãi cát, bãi đá	13	Đồng bằng mài mòn ngầm đáy biển
6	Cồn, thềm nổi bị mài mòn, xâm thực	14	Luồng rạch biển
7	Nền đá lục nguyên, tảng, khối, vách đứng	15	Vực, trũng, máng xâm thực
8	Tầng đất theo địa hình, địa mạo các đảo nổi		

Với đặc điểm địa hình phong phú như vậy ở Vân Đồn là điều kiện hết sức thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch biển đảo như tham quan, nghỉ dưỡng, mạo hiểm, sinh thái.

2.2.2. Thủy văn

Tài nguyên nước bao gồm nước trên bề mặt trái đất và nước ngầm, đối với du lịch nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nước bề mặt không chỉ có tác dụng phục hồi trực tiếp mà còn ảnh hưởng nhiều đến các thành phần khác của môi trường sống, đặc biệt nó làm dịu khí hậu ven bờ.

Vân Đồn là khu vực được thiên nhiên ưu đãi rất nhiều đặc biệt là ở đây có rất nhiều bãi tắm đẹp, đây chính là nguồn tài nguyên quan trọng để tiến hành khai thác các loại hình du lịch biển. Trong mấy chục hòn đảo ở Vân Đồn có rất nhiều bãi biển có những đặc trưng về sóng, tốc độ dòng chảy, đặc điểm chiều tính rất thuận lợi cho các hoạt động du lịch đặc biệt là tắm biển.

Nước biển được đánh giá theo các đặc trưng có ảnh hưởng đến sức khỏe con người và hoạt động du lịch như nhiệt độ nước, độ cao của sóng, độ mặn.

Nhiệt độ nước biển có ảnh hưởng tới các hoạt động vui chơi giải trí dưới nước. Theo các nghiên cứu thực nghiệm, nhiệt độ nước thích hợp nhất cho vui chơi giải trí dưới nước là trên 20°C. Có thể đánh giá nước biển thông qua thang nhiệt thích nghi của một số loại hình du lịch.

Bảng 2.2. Mức độ thích nghi của nhiệt độ nước biển đối với du lịch

Loại hình du lịch	Nhiệt độ nước biển(0°C)			
	<23 và >29	24 - 25	25 - 27	27 - 29
Tắm biển	Không thuận lợi	Tương đối thuận lợi	Rất thuận lợi	Thuận lợi
Vui chơi	Không thuận lợi	Tương đối thuận lợi	Rất thuận lợi	Thuận lợi

Nguồn: Viện nghiên cứu phát triển du lịch 2002 (Xây dựng hệ thống chỉ tiêu môi trường cho phát triển du lịch)

Độ cao của sóng cũng được đánh giá là rất quan trọng đối với nhiều loại hình du lịch. Các hoạt động thể thao dưới nước như lướt ván có thể cần độ cao lớn hơn nhưng tắm biển thì cần độ cao thấp hơn. Độ mặn cũng là một nhân tố ảnh hưởng tới khả năng và thời gian tham gia các hoạt động du lịch, ngoài ra thì dòng chảy có ảnh hưởng lớn đến khả năng và thời gian tham gia các hoạt động du lịch.

Qua phân tích trên cùng với việc xem xét các điều kiện cụ thể về thủy văn ở khu vực Vân Đồn có thể nhận thấy Vân Đồn có những điều kiện hết sức thuận lợi cho phát triển các loại hình du lịch biển như tắm biển, lặn biển, nghỉ dưỡng biển, các hoạt động thể thao dưới nước...Chẳng hạn các điều kiện như chế độ nhật triều là yếu tố chủ yếu điều tiết chế độ hải văn ở vùng đảo và biển trong phạm vi Vân Đồn, độ lớn dòng chảy vừa phải (0,1 – 0,2 m/s), độ mặn của nước biển cao trung bình trên 27‰, nhiệt độ nước biển trung bình năm là 25,1°C.

Bảng 2.3. Một số giá trị đặc trưng về hải văn khu vực Vân Đồn

Yếu tố	tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Năm
Mức nước biển (cm)	Trung bình	200	196	195	197	202	203	204	206	217	226	217	207	206
	Cao nhất	427	410	388	381	423	431	429	415	408	423	430	470	470
	Thấp nhất	6	0	16	9	19	2	8	16	14	34	21	7	10
Độ mặn nước biển (‰)	Trung bình	31,3	31,8	31,7	30,8	28,7	24,8	21,0	20,8	22,2	26,0	28,9	20,8	27,4
	Cao nhất	35	34,4	34,7	34,4	33,8	31,7	30,1	30,6	30,5	33	33,9	34,3	35
	Thấp nhất	19,0	26,8	32,2	2,7	3,6	2,2	1,9	1,9	2,0	4,0	16,2	7,2	1,9
Nhiệt độ nước biển (°C)	Trung bình	18,1	18,1	20,0	23,6	28,6	30,2	30,6	30,3	29,1	27,3	24,5	20,3	25,1
	Cao nhất	24,1	24,7	27,2	30,0	33,1	34,0	34,3	34,2	34,5	34,2	31,8	28,7	26,6
	Thấp nhất	11,0	11,7	12,5	14,0	21,4	25,3	24,5	25,0	32,9	19,8	15,4	10,9	10,9

(Nguồn: Trung tâm dự báo khí tượng hải văn Quảng Ninh)

Với địa hình đa dạng phong phú bao gồm cả một phức hợp biển đảo, cùng với những điều kiện thuận lợi về thủy văn chắc chắn sẽ là động lực cho phát triển du lịch biển ở khu vực này.

2.2.3. Thế giới động thực vật

Thế giới động thực vật cũng đóng một vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động du lịch. Ngày nay khi mức sống của con người được nâng cao, áp lực của công việc, sự ô nhiễm môi trường sống ngày càng tăng lên, dường như người ta càng muốn được trở về với thiên nhiên. Với vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên thuận lợi, Vân Đồn không chỉ có biển, đảo mà còn có một thế giới động thực vật hết sức phong phú. Có thể nói Vân Đồn là nơi chứa đựng sự đa dạng sinh học vào loại bậc nhất khu vực Hạ Long.

Về hệ động thực vật, theo điều tra nghiên cứu hệ động thực vật khu vực Vân Đồn 1998-2000 của viện điều tra quy hoạch rừng, viện tài nguyên sinh thái, Đại học lâm nghiệp. Hệ động vật thủy sinh trong phạm vi khu vực này đã điều tra phát hiện có tới 51 loài động vật phù du, 132 loài động vật thủy sản có giá trị cao chiếm ưu thế ở vùng này như Sá Sùng, Cà Gai, Bào Ngư, Hải Sâm, Trai, Ngọc. Ngoài ra các loài động vật quý hiếm khác cũng rất phong phú với nhiều loài như: Báo lửa, Cây hương, Rái cá, Khỉ vàng, Tắc kè và nhiều loại cây dược liệu quý như: Ba kích, Ngũ da bì, Đẳng đẳng...

Ngoài ra khi nghiên cứu hệ động thực vật không thể không kể đến quần thể động vật phù du cộng sinh, động vật đáy và rạn san hô. Quần thể động vật phù du cộng sinh với nhiều loại động vật khác, vừa làm cho mức độ đa dạng sinh vật phong phú, vừa là sinh cảnh và nguồn thức ăn cho nhiều loài khác.

Động vật đáy thực sự phong phú và có giá trị cao đối với vùng biển ven bờ và trên thêm các đảo trong phạm vi vườn quốc gia Bái Tử Long. Hiện tại ở khu vực này đã khảo sát phát hiện được 132 loài động vật đáy. Số loài thuộc ngành thân mềm chiếm nhiều nhất (62 loài, 47%), tiếp đến là ngành Run đốt (31 loài, 24%), ngành Chân đốt có lớp giáp xác (27 loài, 20%) và ngành đa gai (12 loài, 9%). Những loài trong ngành giun đốt có sâu đất, giun tơ chính là nguồn hải sản ưu thế của vùng quần đảo này, giá trị kinh tế cao, nguồn lợi lớn từ nhiều đời nay của cộng đồng địa phương (

thường gọi là Sá Sùng). Nguồn phát sinh dồi dào, trữ lượng lớn, phẩm chất cao, chủ yếu đối với các loài Sá Sùng, Bào Ngư, Hải Sâm, Cỏ Gai, Trai cho Ngọc, trên các bãi cát ngập triều, bãi bùn, thềm đá. San hô và rặng san hô ở vùng này tuy chưa đến mức độ phong phú như ở một số vùng khác ở nước ta, do những nguyên nhân địa chất biển, hải văn và môi trường liên quan nhưng vẫn có những đặc điểm riêng. Khảo sát sơ bộ cho thấy trong vùng có 66 loài san hô đỏ, 13 loài san hô sừng và thân mềm. Có một số loài san hô quý như Tám Tia, Hồng Sắc, đang ở thời kỳ phát triển. Trên thềm đảo ở tầm sâu trên 6m phía Đông Bắc đảo Ba Mùn, đảo Sậu, tập trung nhiều hơn. Thềm đảo phía nam gần Cửa Đồi – Quan Lạn là nơi tập trung san hô sau phía Bắc và Đông Bắc. Tại khu vực hướng chính đông của đảo Ba Mùn cũng là khu vực tập trung san hô (có hơn 30 loài).

Quần thể san hô trong vùng chưa hình thành các bãi rạn rộng lớn, đang ở từng cụm nhỏ. Tuy nhiên có tới 70 loài san hô, phân bố khá tập trung ở một số khu vực. Các loài đáy biển bao gồm 13 loài họ cá Mú, 12 loài cá Khế và sau đó là các loài khác như Mập, Đuối, He, Kim, Thu, Sơn, Căng...những loài cá trong vùng phân bố, nhóm cá nổi xa bờ, nhóm cá tầng đáy, nhóm cá trong các rạn và cụm san hô. Ngoài cá còn có những loại tôm, cua, thân mềm, da gai...Quần thể ốc cũng rất phong phú, đặc biệt một số loài ốc có giá trị cao chỉ có nhiều ở vùng này như ốc sao, ốc hương, ốc đỏ, ốc đế.

Về thực vật, Vân Đồn có hàng ngàn ha rừng với các loài gỗ quý, tiêu biểu như thiết đỉnh, lát hoa, kim giao, thông, tre, táu mật, lim xanh...Ngoài ra Vân Đồn còn có vườn quốc gia Bái Tử Long là nơi lưu giữ nhiều hệ sinh thái biển điển hình với giá trị đa dạng sinh học cao. Thực vật ưu thế ở đây gồm các loài thuộc họ Vang, Chè, Trâm. Thực vật rừng khá phong phú và đa dạng đến nay đã ghi nhận được 398 loài thực vật bậc cao có mạch, trong đó có 4 loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam như Kim Giao, Ba Kích, Giác Đề và Thổ Phục Linh. Hệ động vật theo các ghi chép trước đây Bái Tử Long có một hệ động vật có xương sống rất phong phú và đa dạng

nhưng hiện nay đã bị suy giảm nghiêm trọng. Theo một số báo cáo thì lợn rừng và mang vẫn còn xuất hiện nhưng những loài thú lớn như gấu thì không còn được phát hiện.

Với sự đa dạng phong phú của các loài động thực vật đặc biệt với những khu rừng nguyên sinh nhiệt đới vẫn còn được bảo tồn nguyên vẹn trong vườn quốc gia, đây chính là nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên quan trọng để phát triển các loại hình du lịch thân thiện với môi trường như du lịch sinh thái, du lịch tìm hiểu tự nhiên.

2.3. Tài nguyên du lịch văn hóa – nhân văn

Vân Đồn được biết đến là vùng đất có lịch sử lâu đời, ngay từ thời tiền sử con người đã có mặt và sinh sống ở nơi đây. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử những dấu ấn của người xưa vẫn còn để lại qua các di chỉ khảo cổ học quan trọng. Theo thời gian những cư dân ấy vẫn gắn bó với mảnh đất này để xây dựng và phát triển. Lịch sử đã ghi nhận nơi đây đã từng có những thời kỳ kinh tế, thương mại phát triển rực rỡ mà sự ra đời và phát triển thương cảng Vân Đồn là một ví dụ. Chính vì vậy mà cho tới hôm nay Vân Đồn vẫn còn gìn giữ được một hệ thống các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể hết sức phong phú, đây cũng là nguồn tài nguyên du lịch quan trọng cho phát triển du lịch.

2.3.1. Tài nguyên du lịch vật thể

Các đảo trong khu vực Vân Đồn còn lưu giữ các giá trị văn hóa thuộc nền văn hóa Hạ Long. Cuối năm 1937 nhà khảo cổ học Thụy Điển An-Đéc-Xen và hai chị em nhà khảo cổ học người Pháp M.Co-Li-Na đã đi điền dã nhiều tháng đến các bãi biển, hang động trên các đảo Ngọc Vũng, Cống Đông, Cống Tây, Thoi Giếng, Soi Nhụ... Họ đã phát hiện ra nhiều hiện vật công cụ bằng đá của người nguyên thủy như: bàn mài, chày nghiền, mảnh tước, vòng tay... Từ đó tới nay các nhà khoa học Việt Nam tiếp tục khảo cổ khai quật và đã phát hiện thêm nhiều di chỉ khảo cổ trong khu vực Vịnh Hạ Long và Bái Tử Long có giá trị. Năm 1968 các nhà khảo cổ đó phát hiện ra hang Soi Nhụ tìm thấy vại sành, vỏ hà ốc có liên đại

cách đây 4000 năm. Các nhà khảo cổ học Việt Nam và thế giới đã gọi các di chỉ này thuộc nền văn hóa Hạ Long có liên đại cách ngày nay khoảng hơn 4000 năm.

Các di tích thời tiền sử

– Hang Soi Nhụ: Nằm trên đảo Soi Nhụ thuộc xã Hạ Long huyện Vân Đồn nằm cách thị trấn Cái Rồng khoảng 4km về phía Bắc. Đây là một trong những di chỉ khảo cổ học quan trọng của văn hóa Hạ Long. Năm 1938 lần đầu tiên hang động này được phát hiện bởi hai nhà khảo cổ học người Pháp. Với những di chỉ khảo cổ tìm được bao gồm các tàn tích thức ăn, công cụ lao động, đồ gốm...có thể khẳng định đây là một trong những ngôi nhà cổ của các cư dân văn hóa Hạ Long.

Theo kết quả phân tích cacbon C14 các nhà khảo cổ đã đưa ra niên đại cách ngày nay khoảng trên 14000 năm, điều này chứng tỏ hàng ngàn năm trước mảnh đất này đó có cư dân sinh sống.

Hang Soi Nhụ căn nhà cổ nhất của các cư dân văn hóa Hạ Long đã và sẽ là một trong những điểm tham quan nghiên cứu quan trọng của du lịch Vân Đồn cũng như của du lịch Quảng Ninh.

– Hang Hà Giắt: Hà Giắt là một thôn thuộc xã Đoàn Kết thuộc huyện Vân Đồn. Địa danh Hà Giắt có từ lâu đời do những người Việt gốc Hoa đặt tên với ý nghĩa là nhất, là một. Năm 1937 các nhà khảo cổ học người Pháp đã tới đây điều tra khai quật họ đã phiên âm Hà Giắt thành Hayart để gọi những bộ sưu tập hiện vật ở đây. Sưu tập Hayart hiện nay còn được lưu giữ tại bảo tàng lịch sử Việt Nam.

Hà Giắt là một trong những địa điểm khảo cổ học quan trọng của văn hóa Hạ Long. Bộ sưu tập hiện vật ở hang Hà Giắt hiện nay còn khoảng 70 hiện vật. Toàn bộ là đồ đồ và công cụ có dấu vết sử dụng không qua chế tác. Hầu hết đồ đá trong bộ sưu tập này đều làm bằng cuội grannít, đá có hạt thô lẫn trong những tinh thể trắng, vỏ cuội xù xì đã bị nước phong hóa. Đây là đặc điểm chung của vùng biển Hạ Long.

Về niên đại, di chỉ Hà Giắt có niên đại cách ngày nay khoảng 14000 năm vào khoảng trung kỳ đá mới, qua đây có thể thấy rằng người Hà Giắt và người Soi Nhụ cũng chung sống ở một thời kỳ mà các nhà khảo cổ học gọi chung thời kì này là văn hóa Soi Nhụ.

– Di chỉ Ngọc Vũng: Cách đây 5000 năm người nguyên thủy thuộc thời đại đá mới đã đến đây cư trú. Ngày nay dân cư địa phương trong lúc làm vườn thường bắt gặp rìu đá, bôn đá vừa có vai vừa có nấc, chì lưới, bàn mài có rãnh, hòn kê là những di sản của người nguyên thủy đã sinh sống ở Ngọc Vũng. Vào những năm 30 của thế kỷ XX, từ một người chủ lò thủy tinh trong vùng đã phát hiện ra các di chỉ đá mới Ngọc Vũng, các học giả khảo cổ Pháp đã tìm đến hòn đảo này. Căn cứ vào hình dáng độc đáo của những hiện vật thu lượm được trên đảo, họ đặt tên di chỉ đồ đá ở đây là “Nền văn hóa Danh-Dô- La”.

Các di tích lịch sử, văn hóa

– Đình Quan Lạn: Là một công trình kiến trúc cổ có quy mô lớn và bậc nhất nhì hiện có ở Quảng Ninh. Đình được xây vào thời Lê tại bến Cái Làng – một trung tâm thương cảng Vân Đồn xưa, gồm 9 gian. Đến thời Nguyễn nhân dân chuyển sang đất Quan Lạn để sinh sống thì đình cũng được chuyển theo và rút bớt đi còn 7 gian, lúc đầu đình được xây theo kiểu chữ “công”, gồm 5 gian 2 chái tiền đường, 3 gian ống muống và một gian 2 chái hậu cung. Sau đó được rời về xóm Thái Hòa rồi xóm Nam, cuối cùng rời về xóm Đoài và được thu gọn như ngày nay.

Hiên của Bái Đường với những đầu bẩy được trạm rồng lộng lẫy. Mỗi đầu bẩy là một hình rồng khác nhau. Trong 5 đầu bẩy ở Đình Quan Lạn có một chiếc phía trái gian giữa, bức trạm rồng mang đậm phong cách thời Lê: mắt rồng xéch dài như mắt người, đầu bờm hình đao uốn vài đường rồi vút thẳng về phía sau. Đầu lư là một bộ phận đỡ cho xà thân vững cũng được trạm trở công phu. Mỗi đầu lư được trạm 3 mặt rồng, phải, trái và bên dưới. Bên dưới là người đến thăm đình ngẩng lên nhìn thấy, chính vì vậy được trạm trở tỉ mỉ và đẹp mắt.

Toàn bộ kiến trúc của đình tuy đồ sộ bề thế, nhưng các đầu đao uốn cong hình rồng đã tạo cho đình một nét mềm mại uyển chuyển. Mái lợp ngói mũi hài, trên bờ nóc đắp nổi lưỡng long châu nguyệt, hệ thống vì kèo cột gỗ kiểu giá chiêng chông rường. Các mảng trạm khắc ở đây được nghệ nhân trạm thủ công phu, tỉ mỉ, sắc nét và đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật. Đề tài trang trí chủ yếu là hình rồng, phượng và hoa lá được thể hiện với các sắc thái khác nhau trên mỗi bức cuốn, con rường, đầu bẩy, đầu dư, câu đầu, cửa võng mang đậm phong cách thời Lê. Toàn bộ hệ thống cột gỗ được làm bằng chất liệu gỗ Mần Lái một loại gỗ tốt nhất và chắc hơn cả gỗ lim, mọc từ núi đá trên đảo Ba Mùn (Vân Đồn).

Đình Quan Lạn xây dựng để thờ thành Hoàng Làng và các vị Tiên Công có công khai lập ấp, lập lên xã Quan Lạn ngày nay và Trần Khánh Dư người có công lớn trong trận chỉ huy đánh tan đoàn quân lương của Trương Văn Hổ ở Vân Đồn, Cửa Lục góp phần quan trọng vào trận đại thắng Bạch Đằng năm 1288 nên đã được nhân dân tôn thờ làm Thành Hoàng của làng. Hiện nay còn lưu giữ được ở đình là tượng Trần Khánh Dư, 18 sắc phong của triều Nguyễn phong cho Trần Khánh Dư, long ngai, khám thờ, cửa võng, hoành phi, câu đối.

– Chùa Quan Lạn: Nằm ngay bên trái đình Quan Lạn có tên chữ là Vân Quan tự. Tên Vân Quan đã thể hiện mối quan hệ giữa thương cảng Vân Đồn và xã Quan Lạn ngày nay.

Chùa có kiến trúc kiểu chữ “đình” gồm 3 gian 2 chái tiền đường và 3 gian hậu cung, mái lợp ngói mũi hài, phía trước chùa là tam quan gác chuông. Hệ thống vì kèo cột gỗ theo kiểu giá chiêng chông rường, các con rường, con đầu đều được trạm trở hình hoa dây, hoa lá vân xoắn và hoa cúc mãn khai.

Ngoài thờ Phật chùa Quan Lạn còn thờ mẫu Liễu Hạnh, một tín ngưỡng bản địa và thờ cụ Hậu (người có công với dân làng).

Hiện nay chùa còn lưu giữ đầy đủ tượng phật có giá trị điêu khắc của thời Nguyễn, hoành phi, câu đối, sắc phong của vua Thành Thái (1889) phong cho mẫu Liễu Hạnh và nhiều đồ tự khắc bằng đồng và gỗ có giá trị.

Chùa Lâm: Nằm trên sườn phía Tây đối diện với năm bến thuyền cổ dưới chân đảo Công Đông. Chùa xây trong lòng chảo ba bề có núi cao bao bọc, cửa chùa trông ra biển lớn, bãi cát trắng trải dài vài trăm mét. Nền chùa có hai cấp, cấp một hình gần vuông, cấp hai nhỏ hơn, cả hai cấp đều kê đá chắc chắn. Trên mặt cấp thứ hai còn 16 hòn đá kê cột, khoảng giữa của 4 hòn kê có một bộ sen bằng đá 3 tầng. Cả 3 tầng được trạm trổ đẹp mắt, các cánh sen mềm mại thu nhỏ dần từ dưới lên trên, từ ngoài vào trong, tựa một búp Sen đang nở.

Khu nhà tổ khá đồ sộ có dãy nhà trên và dãy nhà dưới. Tường gồm những tảng đá xếp chồng lên nhau, không hề có một chút vôi vữa, vẫn không bị xô lệch, mặt tường vẫn phẳng phiu dù đã sáu, bảy chục năm trôi qua.

Ngọn bảo tháp xây dựng chéch về phía Bắc đảo Công Tây trên một khu đất bằng phẳng có ngọn đồi khá cao. Tháp xây hoàn toàn bằng gạch nung mặt ngoài của tháp được trang trí hình rồng, phượng, hoa lá với dáng điệu uyển chuyển, sinh động.

Ở trên mỗi bến thuyền có một giếng nước ngọt, đó là giếng Hệu (hay giếng nàng Tiên) trên bến Cái Làng, giếng Rùa Vàng trên bãi Con Quy, giếng Đình trên bến Cái Công. Mỗi giếng gắn liền với một câu chuyện thần thoại và giếng nào cũng trong và ngọt, đầy nước xung quanh.

– Đồn Canh Tiền Tiêu Tĩnh Hải: Không chỉ là một cảnh mậu dịch quan trọng mà Vân Đồn còn là mảnh đất tiền tiêu, là cửa ngõ của tổ quốc. Suốt trong thời kì phong kiến Vân Đồn được xem như là khu vực có vai trò quan trọng về mặt quân sự. Đến thời Nguyễn tuy không còn vai trò là một thương cảng quan trọng nữa nhưng việc buôn bán ở đây vẫn chưa chấm dứt. Các thuyền buôn nước ngoài vẫn qua lại đặc biệt là người Trung Quốc.

Ở vào thời kì này hiện tượng cướp biển xảy ra thường xuyên. Giặc biển có khi là dân đánh cá đi cướp các thuyền cá khác của dân, có khi là bọn lái buôn đến lén lút mua hàng quốc cấm, chúng luôn chống lại cả quân tuần tiễu của triều đình.

Trước hoàn cảnh đó nhà Nguyễn đã cho xây dựng một hệ thống đồn bảo sai quan lưu giữ vừa để canh phòng mặt biển vừa để thu thuế các thuyền buôn qua lại. Hiện nay di tích đồn Canh Tĩnh Hải vẫn còn được lưu giữ gần như nguyên vẹn trên đảo Ngọc Vũng.

– Nghè Trần Khánh Dư: Nằm ở xóm Thái Hòa xã Quan Lạn thờ phò tướng Trần Khánh Dư. Nghè được xây theo kiểu chữ đình gồm 3 gian tiền đường và 2 gian hậu cung.

Nghè Trần Khánh Dư và đình Quan Lạn có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nghè là nơi thờ chính Trần Khánh Dư, đình là nơi làm lễ tế thành hoàng Trần Khánh Dư trong mỗi dịp lễ hội.

Các di tích Bến thuyền cổ

– Bến Cống Đông: Nằm trên đảo Cống Đông – xã Thắng Lợi. Phía đông và phía tây của đảo là một khoảng dài hơn 10km là một bến thuyền cổ dài nhất trong các bến bãi. Bến này có bầy vụng to nhỏ ăn sâu vào đảo trở thành bến đỗ an toàn và tiện lợi. Hiện vật ở đây có số lượng nhiều và phong phú trong tất cả các bến. Trong số đó gồm men nâu thời Trần, gốm men ngọc Trung Quốc thời Nguyên và gốm thời Mạc.

Bến Cái Làng: Nằm trên địa phận xã Quan Lạn. Suốt bờ vụng phía Đông, một khoảng dài tới 200m có rất nhiều mảnh đồ gốm các loại thuộc nhiều thời khác nhau. Người dân ở đây còn tìm thấy nhiều chông bát đĩa còn nguyên vẹn và một số tiền đồng thời Đường. Trên núi còn có nhiều dấu tích nền nhà và một nền đình cổ, một giếng cổ.

Bến Cống Cái: Nằm ở bờ tây đảo Vân Hải, nay thuộc xã Quan Lạn. Cửa vụng mở ra một con sông do đảo Vân Hải và núi Man chạy song song ngăn một dải nước tạo thành. Bến này cách bến Cái Làng khoảng 2km,

nước sâu, kín gió thuận lợi cho thuyền bè neo đậu. Suốt bờ Bắc một dải dài hơn 100m là nơi tích tụ rất nhiều mảnh gốm các loại giống như ở Cái Làng.

Bến Con Quy: Nay thuộc xã Minh Châu. Tại địa điểm này người ta cũng tìm thấy rất nhiều mảnh gốm như vò, hũ, các chông bát đĩa còn nguyên vẹn và tiền đồng Trung Quốc từ thời Đường – Tống và tiền Việt các thời Lý, Trần, Lê mà nhiều hơn cả là tiền Tây Sơn.

– Bến Cái Công: Gồm hai vụng được gọi là Công Ông (phía Bắc) và Công Bà (phía Nam) thuộc đảo Trà Bản. Tại khu vực này cũng tìm thấy nhiều mảnh đồ gốm các thời Lý, Trần, Lê. Đặc biệt người ta tìm thấy một cây đèn nền bằng gốm, có men màu trắng ngà, rạn, phong cách Hán.

Bến Công Yên, Công Hẹp; Nằm ở phía tây của đảo Ngọc Vũng. Tại đây cũng tìm thấy nhiều mảnh gốm trên dải bờ biển kéo dài hàng trăm mét.

Dấu vết và các công trình kiến trúc cổ

Cùng với việc mở thương cảng Vân Đồn, các triều đại phong kiến cũng cho xây dựng ở khu vực này nhiều công trình kiến trúc tôn giáo, quân sự. Để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân và các thuyền buôn và hơn nữa đảm bảo về mặt chủ quyền an ninh trong khu Thương cảng cũng như an ninh quốc gia.

Bắt đầu khu vực đảo Cống Đông, Cống Tây là sự xuất hiện của một loạt các công trình kiến trúc tôn giáo như dấu tích ngọn bảo tháp, chùa vụng, Cây Quéo, chùa vụng Chuồng Bò, Chùa Lắm,

2.3.2. Tài nguyên du lịch phi vật thể

Vân Đồn là nơi dân cư sinh sống khá đông đúc trong đó có nhiều người bản địa. Qua quá trình sinh sống ở đây họ đã sáng tạo ra nhiều giá trị văn hóa mang tính địa vực như: canh tác lúa nước trên đất dốc, đánh bắt chế biến thủy hải sản, sử dụng tài nguyên rừng, phong tục tập quán ăn sống, nói gió. Cùng với sự chịu thương, chịu khó lao động, phẩm chất chất phác của cư dân biển đã hình thành và bảo tồn tới ngày nay nhiều lễ hội và các hình thức nghệ thuật biểu diễn truyền thống như hội đình Quan Lạn với

các trò chơi dân gian mang văn hóa biển như tế thần biển, đua thuyền và hò biển.

Lễ hội

Lễ hội đình Quan Lạn:(còn gọi là hội đua bơi Quan Lạn), là hội làng của người dân xã đảo Quan Lạn, một hòn đảo ở khu trung tâm thương cảng Vân Đồn. Lễ hội được tổ chức vào ngày 18 tháng 6 (âm lịch) hàng năm nhưng hội kéo dài từ ngày 10 đến hết ngày 20 tháng 6. Lễ hội đình Quan Lạn vừa kỷ niệm chiến thắng giặc Nguyên Mông năm 1288 và chiến công của Trần Khánh Dư, một danh tướng của nhà Trần, vừa là ngày hội cầu được mùa của cư dân vùng biển. Hội được tổ chức trên bến đình, nơi có đình Quan Lạn, một ngôi đình cổ trong số ít những ngôi đình còn giữ được cho đến ngày nay. Theo tục lệ ngày 10 tháng 6 “khóa làng” dân trong làng không được đi bất cứ đâu nhưng những người làm ăn ở xa và khách thập phương lại có thể về làng dự hội. Hội đình Quan Lạn có tục đua thuyền khác với bơi trải. Dân làng chia làm 2 phe Đông Nam Văn và Đoài Bắc Võ lập doanh trại riêng từ ngày 13 để luyện quân, chuẩn bị đua thuyền. Thuyền đua thường là thuyền đi biển trọng tải nặng, sáu tấn, rộng và sâu lòng, được hạ buồm, trang trí đầu rồng ở mũi thuyền. Ngày 16 làm lễ nghinh thần, dâng lễ rước bài vị của Trần Khánh Dư từ nghè (cách đình 1,5 km) về đình. Dưới bên đôi thuyền đua tập luyện tạo một không khí tung bừng , náo nhiệt. Ngày 18 tháng 6 vào 3 giờ chiều (năm nào cũng vậy thường lúc này nước triều lên tới sát bến của đình) hai bên bắt đầu xuất phát. Lính bên Văn áo trắng quần xanh, chân quần xà cạp xanh. Lính bên Võ quần áo xám hoặc đen. Tiếng chiêng trống, tiếng hô vang, cờ bay phấp phật đầy khí thế. Mỗi khi hai đàn giáp nhau ở sân đình, quân chúng cùng dân chúng hét lớn vang dậy cả một vùng. Hai tướng mùa những đường dao đẹp mắt, hai đoàn quân gặp nhau ba lần, tượng trưng cho ba lần đánh thắng quân Nguyên thời Trần. Tới lần thứ ba hai đoàn quân tập trung trước miếu, hai vị tướng vào tế, khi quay trở ra thì cuộc đua thuyền mới chính thức bắt đầu. Lễ hội đình Quan Lạn mang dấu ấn của một hội làng truyền thống nhưng đặc biệt

hoành tráng thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc chống giặc ngoại xâm bảo vệ chủ quyền đất nước của những người dân vùng biển.

Nghệ thuật biểu diễn truyền thống

Là vùng đất có truyền thống và lịch sử văn hóa lâu đời trên dưới một vạn năm. Từ nền đồ đá mới với văn hóa Soi Nhụ và văn hóa Hạ Long đến thời kì kim khí con người đã liên tục quần cư ở vùng đất này. Vân Đồn là nơi có nhiều dân tộc chung sống xen kẽ với nhau. Nếu thống kê theo nguồn gốc thì hiện nay có tới hơn 7 dân tộc khác nhau, mỗi dân tộc có một nét đặc trưng văn hóa truyền thống riêng song luôn có ảnh hưởng qua lại với nhau. Nằm trong cùng khu vực địa lý là vùng biển Đông Bắc Việt Nam, Vân Đồn cũng là nơi hội tụ, tiếp nhận truyền thống văn hóa của nhiều vùng, trước hết là vùng Đồng Bằng Bắc Bộ, ở các huyện miền Đông của tỉnh Quảng Ninh, văn hóa nghệ thuật của người Việt cũng tiếp nhận những ảnh hưởng của văn hóa các dân tộc thiểu số và của Trung Hoa. Tuy vậy do điều kiện đặc biệt về địa lý, những hoàn cảnh đặc thù về xã hội và lịch sử, vùng Vân Đồn đó hình thành và tồn tại những nếp sống văn hóa, những hình thái nghệ thuật dân gian, độc đáo nhất là ở vùng biển.

Các vùng dân cư khác nhau ở Quảng Ninh thì có nhiều loại hình dân gian độc đáo, đặc sắc và mang sắc thái riêng. Trong các vùng dân cư của người Việt thì người dân chài trên biển có nhiều loại hình hát dân gian đặc sắc hơn cả. Đó là hát chèo đường hay còn gọi là hò biển.

Hàng ngày những người dân chài phải đối mặt với sóng gió, vật lộn với con cá, con tôm, cuộc sống đầy khó khăn vất vả nhưng họ vẫn sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần rất đặc sắc như những câu hò biển, những lời nói đối đáp giao duyên. Những câu hò, lời hát đó đã làm cho họ thấy lạc quan hơn, yêu cuộc sống của mình hơn, quên đi những lo âu, vất vả đời thường.

Hát chèo đường còn gọi là hát ví, hát véo, hát gái, hát đố, hát giảng, cũng có người gọi là hò biển.

Theo nhà nghiên cứu văn hóa Tổng Khắc Hải (Quảng Ninh): “Giai điệu của lời hát này gần với giai điệu của Miền Trung nhưng mềm mại, chậm rãi, mênh mang, trữ tình hơn”. Bắt đầu bài hát, sau tiếng “o” ngân rất dài là lời hát gần như trong “hát đúm”, tiết tấu chậm rãi, âm vực thấp, rất dễ hát, ai cũng có thể hát được.

Hát chèo đường là những cuộc hát đối đáp giao duyên thường diễn ra rất tự nhiên trên vùng non nước Hạ Long kỳ diệu, huyền ảo, thơ mộng, giữa các thuyền ngư dân với nhau.

Chúng ta có thể thấy rất rõ cuộc sống ở nơi đây, ngư dân suốt đời lênh đênh trên thuyền, dưới biển vật lộn với sóng, gió...Họ cưới xin, sinh đẻ, giỗ tết, làm ăn...đều trên thuyền, chỉ khi họ chết mới được gửi xương trên đảo. Quê hương của họ không ở xã, ở huyện, ở phường nào rõ rệt cả mà cứ theo con nước, theo sóng gió, theo mùa vụ và tùy từng nghề (chài hay lưới, cắm dăm hay thả câu), mà nay đây mai đó, đương nhiên họ cũng thường đi và sống quây quần theo gia đình, dòng họ.

Hàng ngàn hòn đảo lớn nhỏ với rất nhiều hang hườm, nhiều vụng, nhiều áng khuất nẻo xa xa ngoài biển khơi...họ lấy đó làm mái nhà, làm tường lũy che chắn, che chắn cho họ rất an toàn, không sợ bão tố, không sợ những đe dọa ở trên bờ.

Cuộc sống lênh đênh nay đây mai đó, song mỗi gia đình một chiếc thuyền con, họ cảm thấy có nhu cầu làm quen, giao lưu và kết bạn với các thuyền khác để cùng nhau trò chuyện và có thể giúp đỡ nhau giữa biển bao la rộng lớn này.

Giữa vùng non nước xanh biếc, những khi chung bến chung bờ, những khi buông neo chờ gió đợi nước, những khi động biển, động trời, xin nhau miếng châu, mời nhau chén nước, nhất là khi chiều xuống trăng lên, ánh trăng rải vàng trên vịnh...Lúc này thuyền này hát gọi, thuyền kia đáp lời.

Tiếng hát vang lên và ngân dài ẩn dấu lời tỏ tình bóng bẩy, thắm thiết chân tình. Dẫu có thể chẳng lên vợ lên chồng thì cũng có thể rãi bầy

cùng nhau qua câu hát, tâm sự tâm tư tình cảm với nhau, để rồi khỏi phụ lòng nhau. Nếu như hợp cảnh, hợp tình thì hát hỏi đối đáp, thử tài thử tình cho đến trắng đêm, rồi đến sáng ra mới được nhìn tỏ mặt nhân tình. Nhiều đôi thuyền hát hết đêm này qua đêm khác suốt một tuần trăng mới thật sự ngã lòng. Chính vì vậy chúng ta thấy rằng: Hát giao duyên trên biển là những khúc hát say đắm nhất. Say đắm, nồng nàn, thắm thiết trữ tình, vừa giàu âm điệu hình ảnh vừa mộc mạc, chân thành mà duyên dáng, rí rỏm trong lời hát:

Ồ hò.....

Trên mây xa

Dưới hòn Gà Chọi

Anh hát câu này anh gọi nàng ra

Những lời mình hát đêm qua

Đêm nay hát nữa mau ra hát cùng

Hát cho con gái bỏ chồng

Đàn ông bỏ vợ, nạ dòng bỏ con...

Xưa kia dân chài không có làng xóm trên bờ, các con thuyền nhỏ bé lênh đênh chỉ quen nhau, thân thiết với nhau nhờ những lời ca tiếng hát. Phần lớn trai gái dân chài nên vợ nên chồng từ tiếng hát. Hát đã trở thành phương tiện giao lưu, một nhu cầu tình cảm hết sức quan trọng, nên hát chèo đường có lời ca hết sức phong phú, đủ các cung bậc của tình yêu, có kín đáo duyên dáng lại có cả đam mê suồng sã, có sự chân thành thủy chung, lại có cả ghen tuông, giận hờn, có khép nép nhún nhường, lại có cả chua ngoa quá quắt.

2.4. Cơ sở hạ tầng du lịch và cơ sở vật chất phục vụ du lịch

2.4.1. Cơ sở hạ tầng

Một trong những điều kiện quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của du lịch là cơ sở hạ tầng của khu vực. Cơ sở hạ tầng có ý nghĩa nhất đối với du lịch bao gồm mạng lưới và phương tiện giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, mạng lưới cấp điện, cấp nước.

2.4.1.1. Mạng lưới giao thông

Mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện Vân Đồn trong những năm qua bước đầu được đầu tư cả trên bộ lẫn dưới biển, nhất là nâng cấp các bến cảng và các tuyến đường giao thông liên thôn. Tuyến đường tỉnh lộ 334 là trục giao thông chính. Các đường liên xã như tuyến Đoàn Kết – Bình Dân – Đài Xuyên dài 15km đang được nâng cấp. Nhờ vốn của chương trình biển Đông hải đảo, phương tiện giao thông ở các đảo xa đã được nâng cấp. Xã đảo Ngọc Vũng mới đầu tư xây dựng đường nhựa dài 7km từ cảng Công Yên đến trung tâm xã, đường dọc Quan Lạn – Minh Châu, đường trục xã Bản Sen 15km và xã Thăng Lợi 5km đang được đầu tư sửa chữa, nâng cấp.

Giao thông đường thủy có vai trò hết sức quan trọng đảm bảo giao lưu, đi lại của nhân dân năm xã ngoài đảo (đảo xa nhất cách trung tâm huyện khoảng 30km), lưu thông hàng hóa và học hành, khám chữa bệnh và sinh hoạt của dân cư. Hiện có bến cảng Cái Rồng có thể tiếp nhận tàu trọng tải trên 500 tấn các bến cập tàu nhỏ ở các xã Quan Lạn, Minh Châu, Thăng Lợi, Ngọc Vũng. Bến cảng Bản Sen đang được xây dựng.

2.4.1.2 Mạng lưới bưu chính – viễn thông, thông tin liên lạc

Huyện có hai cơ sở bưu điện ở thị trấn Cái Rồng và xã đảo Quan Lạn, còn lại các xã đều có điện thoại và trạm dịch vụ điện thoại, bình quân 8 máy điện thoại trên 100 dân. Tuy nhiên thông tin liên lạc giữa các đảo còn nhiều khó khăn.

2.4.1.3. Mạng lưới cấp điện

Mạng lưới điện quốc gia 35KV cùng với 9 trạm hạ thế phân phối điện mới chỉ cung cấp cho thị trấn Cái Rồng (90% dân cư được dùng điện) và 2 xã Đông Xá, Hạ Long (60-70% dân cư được dùng điện), đường dây điện đến xã Đoàn Kết đang được đầu tư xây dựng. Tỉnh đã đầu tư cho các xã Quan Lạn, Minh Châu xây dựng trạm phát triển diezen, các xã đều đã có điện nhưng tỷ lệ hộ được dùng điện mới đáp ứng 30% tổng số hộ.

2.4.1.4. Hệ thống cấp, thoát nước

Hiện có trạm cấp nước sạch ở hồ Mắt Rồng phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho một số hộ dân cư khu vực thị trấn Cái Rồng. Về cấp nước sạch nông thôn hiện nay còn rất khó khăn do chưa tìm được nguồn nước ngầm, nhiều vùng vẫn phải dùng nước bị nhiễm mặn, nhất là ở các đảo nhỏ và vùng ven biển.

Về hệ thống thủy lợi huyện cũng đã đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi gồm 26 hồ chứa nước đập dâng với tổng dung tích 2,84 triệu mét khối và hệ thống kênh mương nội đồng tưới tiêu cho khoảng 440 ha, trong đó chủ động 140ha. Một số công trình thủy lợi hệ thống được đầu tư kiên cố hóa đã phát huy tác dụng như đập: Khe Mai (Đoàn Kết), Khe Bông (Bình Dân). Tuy nhiên hầu hết là hệ thống tưới chưa được hoàn chỉnh nên về mùa khô nguồn nước cạn kiệt, không thể chủ động được.

Là một vùng đất sôi động đang trên đà phát triển du lịch, trong những năm qua tuy đã có nhiều cố gắng trong việc phát triển nhưng hệ thống cơ sở hạ tầng của Vân Đồn vẫn còn nhiều khó khăn về hệ thống điện nước, đường giao thông nông thôn, bưu chính viễn thông...chưa đáp ứng được nhu cầu du lịch. Để Vân Đồn sớm phát triển kinh tế du lịch, huyện đang có nhiều nỗ lực triển khai đề án phát triển kinh tế - xã hội khu kinh tế Vân Đồn để biến nơi đây sớm trở thành một trong những trung tâm du lịch của tỉnh và của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

2.4.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác các tiềm năng du lịch nhằm thỏa mãn các nhu cầu của khách du lịch. Chính vì có vai trò quan trọng như vậy nên sự phát triển ngành du lịch bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật.

2.4.2.1. Cơ sở lưu trú

Theo thống kê của phòng kinh tế huyện Vân Đồn các cơ sở lưu trú trên địa bàn huyện đã tăng lên nhanh chóng.

Năm 2004 toàn huyện có 28 cơ sở với tổng số phòng là 330 trong đó 12 cơ sở được xếp hạng.

Năm 2005 toàn huyện có 35 cơ sở với tổng số phòng là 381 trong đó 21 cơ sở được xếp hạng.

Năm 2006 toàn huyện có 40 đơn vị kinh doanh cơ sở lưu trú với 424 phòng, trong đó 23/40 cơ sở được xếp hạng đạt 62,5% số phòng đạt tiêu chuẩn là 278/424 chiếm 65%.

Năm 2007 trên địa bàn huyện đã có 42 cơ sở lưu trú với tổng số phòng là 551, trong đó có 25 cơ sở đã được phân loại, xếp hạng theo quyết định của sở du lịch đạt 50%. Số phòng đạt tiêu chuẩn tối thiểu là 329 đạt 59,7%.

Năm 2008 trên địa bàn huyện có 46 cơ sở lưu trú với tổng số phòng là 602 phòng, trong đó có 26 cơ sở đã được phân hạng.

Bảng 2.4. Thực trạng cơ sở lưu trú tại huyện Vân Đồn 2004 – 2008

Năm	Tổng số cơ sở lưu trú	Tổng số cơ sở lưu trú được xếp hạng	Tổng số buồng phòng	Tổng số buồng phòng đạt tiêu chuẩn
2004	28	12	330	211
2005	35	21	381	254
2006	40	23	424	278
2007	42	25	551	329
2008	46	26	602	367

(Nguồn: Phòng kinh tế huyện Vân Đồn)

Trong số các cơ sở lưu trú thì có tới gần 50% là chưa được xếp hạng, các cơ sở này chủ yếu là các nhà nghỉ bình dân. Công suất sử dụng buồng còn thấp, bình quân đạt 48%. Nguyên nhân khách quan là do đặc thù của ngành du lịch mang tính thời vụ nên khi vào mùa cao điểm số lượng khách du lịch tăng lên, vì vậy số lượng chất lượng phòng chưa đáp ứng được nhu

cầu gia tăng đột biến này (một số cơ sở lưu trú còn chưa được trang bị hệ thống điều hòa không khí).

Ở các đảo ngoài khơi Vân Đồn như Quan Lạn, Ngọc Vũng một số nhà dân vẫn cho khách ở theo dạng “home stay” tức là ngủ tại nhà và hầu hết các cơ sở này do không đăng ký kinh doanh nên rất khó khăn trong việc thống kê. Do chưa có quy hoạch chi tiết, nên các cơ sở lưu trú được xây dựng một cách tự phát, không đồng bộ. Các cơ sở này chủ yếu có quy mô nhỏ, vừa là nhà ở vừa tận dụng kinh doanh, thiếu tính chuyên nghiệp, thiếu các điều kiện của một cơ sở kinh doanh du lịch như: vấn đề về vệ sinh, an toàn...

Các cơ sở lưu trú hầu hết chỉ tập chung ở khu vực thị trấn Cái Rồng, Bãi Dài và trên đảo Quan Lạn. Theo thống kê riêng ở khu vực thị trấn Cái Rồng và khu vực Bãi Dài trên đảo Cái Bầu tập chung tới 29 cơ sở. Trên đảo Quan Lạn là 10 cơ sở. Số còn lại tập chung ở các khu vực khác. Tại Bãi Dài năm 2000 tập đoàn ATI (Ameircan Technologies In – công ty công nghệ Việt Mỹ) đã tiến hành quy hoạch xây dựng ở đây một khu du lịch sinh thái kết hợp với nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra cũng trên đảo Cái Bầu nhiều dự án đầu tư du lịch lớn khác cũng đang được triển khai như các dự án của xí nghiệp hợp lực Mai Quyền, công ty du lịch sinh thái Vân Hải, dự án xây dựng quần thể khách sạn 5 sao...

Trên đảo Ngọc Vũng hiện nay mới chỉ có duy nhất hai cơ sở lưu trú cho khách du lịch, trong đó đã đưa vào khai thác với số lượng là 5 phòng ngủ và một nhà sàn có sức chứa khoảng 40 du khách ngủ tập chung. Tuy nhiên về chất lượng tiêu chuẩn thì còn quá thấp kém và tạm bợ. Một số cơ sở khác là dự án xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp của công ty xây dựng Sumeco Sông Đà Hạ Long thì còn đang trong quá trình xây dựng, dự kiến sẽ đưa vào khai thác đón khách vào cuối năm 2011 với hơn 20 buồng ngủ cùng với hệ thống nhà sàn và khu nhà hàng liên hoàn. Cũng trên đảo Ngọc Vũng còn nhiều dự án du lịch sinh thái với tổng diện tích hàng trăm ha như của các đơn vị: Công ty xây dựng Sông Đà, Công ty xuất nhập khẩu Hà

Nội...đang hứa hẹn một trung tâm du lịch lớn ra đời. Tuy nhiên do chưa có một bản quy hoạch tổng thể chính thức về không gian phát triển du lịch Vân Đồn nên các dự án hầu hết vẫn chưa được cấp phép xây dựng vì thế trong giai đoạn hiện tại Ngọc Vũng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu về lưu trú cho khách du lịch.

Mặc dù có những điều kiện hết sức thuận lợi về tài nguyên nhưng do còn nhiều hạn chế về cơ sở vật chất lên khách du lịch đến với một số khu vực ở Vân Đồn chưa nhiều. Trong tương lai khi các dự án xây dựng được hoàn thành và đưa vào sử dụng sẽ đáp ứng được nhiều hơn nữa nhu cầu nghỉ ngơi của du khách khi đến với khu vực này.

2.4.2.2. Ăn uống

Hiện nay trên địa bàn huyện có trên 20 cơ sở ăn uống phục vụ khách du lịch, trong đó có 11 cơ sở vừa kinh doanh ăn uống vừa kết hợp kinh doanh nhà nghỉ, còn lại là các cơ sở khác chủ yếu là các nhà hàng phục vụ các đối tượng khách đa dạng từ cao cấp đến bình dân. Các cơ sở này tuy chưa nhiều nhưng bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu của phần lớn khách du lịch khi đến với Vân Đồn. Tuy nhiên khó khăn gặp phải ở đây là hầu hết các cơ sở kinh doanh ăn uống ngoài đảo xa gặp khó khăn đó là vấn đề về nguồn cung cấp thực phẩm. Hầu như các cơ sở này đều bị động bởi nguồn cung thực phẩm do vị trí nằm xa đất liền, xa chợ và các trung tâm thương mại, các loại thực phẩm tươi sống lại không bảo quản được lâu...vì vậy gây rất nhiều khó khăn cho việc phục vụ nhu cầu ăn uống của du khách.

2.4.2.3. Vận chuyển

Hệ thống các đơn vị vận chuyển khách chủ yếu mới là để phục vụ dân sinh hầu hết chưa đủ tiêu chuẩn để phục vụ khách du lịch. Năm 2007 tuyến xe buýt số 01 nối liền trung tâm du lịch Bãi Cháy với khu du lịch Bãi Dài đi vào hoạt động tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho việc đưa đón, thu hút du khách giữa trung tâm du lịch lớn nhất Quảng Ninh về với Vân Đồn. Ngoài ra các phương tiện vận chuyển khác như các tuyến xe liên tỉnh, các hãng taxi, tàu ra các tuyến đảo cũng đã thực hiện tốt hơn. Việc đảm bảo an

toàn, chất lượng dịch vụ cho du khách, số lượng, số chuyến được đưa vào sử dụng cũng không ngừng được tăng lên. Toàn huyện hiện có 5 hãng taxi với trên 40 xe, mỗi ngày có 50 chuyến xe tốc hành vận chuyển khách từ Vân Đồn đi các nơi, 5 chuyến xe chất lượng cao liên tỉnh: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân và khách du lịch.

Ngoài các phương tiện vận chuyển khách trên bộ như ô tô, taxi, Vân Đồn còn có một đội tàu phục vụ du lịch chuyên chở khách thăm quan khu vực vịnh Bãi Tử Long và thăm quan các đảo. Trước đây việc vận chuyển khách ra các đảo và về dự lễ hội Quan Lạn chủ yếu là các tàu địa phương hoặc tàu của ngư dân. Đến nay trên địa bàn huyện Vân Đồn đã có các doanh nghiệp khai thác hoạt động vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy, đường bộ như công ty Tân Phong, Hoàng Quân, Quang Vinh, Đạt Hùng, Quang Minh với tổng số tàu là 32 chiếc.

Tuy nhiên về chất lượng vận chuyển thì vẫn còn nhiều bất cập, các vấn đề về an toàn, sức chứa hầu như chưa được chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát. Do chưa có một quy hoạch cụ thể về bến bãi đón trả khách nên ở Vân Đồn các tàu du lịch thường ra khơi tại các địa điểm là bến đỗ của các doanh nghiệp và do vậy sự quản lý của chính quyền là hết sức khó khăn.

Một vấn đề nữa về phương tiện vận chuyển khách ở Vân Đồn đó là hệ thống các phương tiện vận chuyển khách trên đảo. Do đặc thù về vị trí, hầu hết các khu vực có điều kiện tự nhiên phong phú hấp dẫn khách du lịch lại nằm ở xa đất liền trên các đảo lớn nên việc di chuyển tại các điểm thăm quan trên đảo là hết sức khó khăn. Hiện nay du khách đến với các đảo như đảo Quan Lạn, Ngọc Vừng đều phải di chuyển trên các phương tiện vận chuyển mà người dân địa phương vẫn quen gọi là xe lam hay xe túc túc (một loại xe mô tô 3 bánh được đóng thùng đằng sau, có thể chở được 6-8 người). Về vấn đề an toàn của các phương tiện này thì hầu như chưa được chính quyền địa phương quan tâm. Chẳng hạn số người được chở thực tế so với số lượng theo đăng ký, thông thường các xe này đều chở quá số người

theo quy định, thậm trí vào mùa cao điểm, đông khách thăm quan các xe này còn trở gấp đôi so với đăng ký. Điều này dễ gây ra sự mất an toàn cho du khách mà một khi có sự cố xảy ra thì vấn đề y tế rất khó khăn. Ngoài ra các phương tiện này chủ yếu sử dụng nguyên liệu là xăng nên ít nhiều là nguyên nhân gây ra tiếng ồn và khói bụi. Trên một không gian hẹp của đảo, việc xuất hiện cùng lúc nhiều phương tiện sẽ làm phá vỡ không gian vốn yên tĩnh, thơ mộng trên đảo.

2.4.2.4. Vui chơi giải trí

Do điều kiện kinh tế chưa thực sự phát triển, mặt khác hoạt động du lịch mới phát triển ở đây không lâu nên hiện nay trên toàn bộ khu vực Vân Đồn vẫn chưa có hệ thống cơ sở vật chất nào phục vụ cho nhu cầu vui chơi giải trí cho các du khách khi đến đây. Ở một số khu vực như thị trấn Cái Rồng, Bãi Dài cũng xuất hiện một số trung tâm vui chơi như quán café, karaoke. Nhưng chủ yếu là các cơ sở nhỏ phục vụ cho nhu cầu giải trí của cư dân địa phương, còn lại ở các khu du lịch khác các cơ sở kiểu này chủ yếu cũng là để phục vụ các du khách nghỉ tại chỗ là chính.

Khách du lịch khi đến đây ngoài việc thăm quan một số điểm du lịch thì không còn nơi giải trí độc đáo nào khác mang nét đặc sắc của địa phương. Chính vì vậy đã làm cho nhiều khách du lịch cảm thấy nhàm chán không kéo dài được thời gian lưu trú của khách, không kích thích được chi tiêu của khách.

Từ thực trạng này cho thấy việc đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí ở Vân Đồn là yêu cầu bức thiết hiện nay. Làm được điều này sẽ góp phần đáng kể trong việc thu hút khách và lưu giữ khách ở lại với huyện đảo Vân Đồn.

2.4.2.5. Nguồn nhân lực

Theo thống kê của phòng kinh tế huyện Vân Đồn trên địa bàn toàn huyện hiện có khoảng trên 1000 lao động hoạt động trong lĩnh vực du lịch dịch vụ. Trong số lao động trực tiếp trong ngành du lịch là hơn 600 người. Thực tế cho thấy lực lượng lao động trong ngành du lịch ở Vân Đồn tăng

lên khá nhanh trong vòng bốn năm với tốc độ tăng trưởng bình quân là 23,8%. Tuy nhiên tương quan giữa lao động được đào tạo và chưa được đào tạo là rất lớn.

Bảng 2.5. Thực trạng lao động trực tiếp trong ngành du lịch ở Vân Đồn

Năm	2004	2005	2006	2007	2008
Chỉ tiêu					
Tổng số lao động	320	400	550	600	700
Phân loại trình độ					
Đại học	05	07	13	25	35
Trung cấp và cao đẳng	12	25	31	40	60
Nghề	40	55	96	135	170
Lao động phổ thông	263	313	410	400	435

(Nguồn: Phòng kinh tế huyện Vân Đồn)

Hầu hết các lao động chưa qua đào tạo vẫn chiếm tỷ trọng lớn 66,6%. Số lao động đạt trình độ từ trung cấp trở lên chỉ chiếm 10,8%. Hầu hết các lao động có trình độ chuyên môn đều tập chung ở các doanh nghiệp lớn là các công ty liên doanh như công ty cổ phần công nghệ Việt Mỹ, công ty cổ phần Vân Hải, công ty cổ phần Viglacera và một số doanh nghiệp tư nhân có vốn đầu tư lớn như công ty hợp lực Mai Quyền, công ty Quang Vinh. Ở đây các doanh nghiệp đã chú trọng hơn trong việc tuyển chọn lao động và đưa lao động đi học thêm nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Ngoài ra một số lao động là nhà quản lý, người dân địa phương cũng được đào tạo kiến thức về du lịch sinh thái và nghiệp vụ hướng dẫn thông qua chương trình tập huấn của trung tâm vườn Quốc gia trực thuộc hội khoa học lâm nghiệp Việt Nam phối hợp với vườn Quốc gia Bái Tử Long nhằm tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du

lịch và bảo vệ môi trường tại xã Minh Châu. Qua các chương trình này đã mở ra hướng đi mới cho người dân trực tiếp tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái góp phần giải quyết công an việc làm tạo thu nhập, nâng cao ý thức trong việc bảo vệ môi trường bảo tồn và phát huy giá trị của vườn quốc gia Bái Tử Long cũng như nâng cao hiểu biết của du khách về môi trường.

Tuy nhiên vẫn còn lại một số lượng lớn các lao động trong ngành chưa qua đào tạo chuyên môn (66,6%). Có rất nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân chủ yếu là do đặc điểm của khu vực Vân Đồn có rất nhiều đảo nằm cách xa với đất liền nên các điều kiện phát triển trình độ học vấn còn nhiều khó khăn, bên cạnh đó do đặc điểm dân cư sống trên các đảo chủ yếu gắn bó với nghề đi biển và các hoạt động nông nghiệp khác nên điều kiện học hành và mở mang kiến thức còn nhiều hạn chế nhất là các nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ. Một nguyên nhân khác quan nữa có thể nhận thấy ở đây do hoạt động du lịch mới phát triển, người dân địa phương nhận thấy du lịch là hoạt động kinh doanh dễ kiếm được lợi nhuận nên có hướng đầu tư vào hoạt động này do vậy việc sử dụng các nguồn cung tại chỗ là hết sức cần thiết.

Nhìn chung lực lượng lao động ngành du lịch của Vân Đồn ngày một tăng, nhưng còn thiếu và còn hạn chế rất nhiều về trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được với yêu cầu của ngành. Hầu hết số lao động phổ thông vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc do chưa được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, chưa có thói quen và tác phong nghề nghiệp, hơn nữa trình độ ngoại ngữ vẫn còn nhiều hạn chế, đây chính là những khó khăn, thách thức rất lớn đối với ngành du lịch Vân Đồn. Trong khi muốn xây dựng Vân Đồn trở thành một khu vực có hoạt động du lịch phát triển thì vấn đề chất lượng sản phẩm dịch vụ, du lịch và cũng chính con người mời gọi và giữ chân du khách ở lại lâu hơn và quay lại với du lịch Vân Đồn trong lần sau nữa.

Thực trạng khai thác du lịch ở Vân Đồn cho thấy, tuy có lợi thế mạnh về tài nguyên du lịch nhưng cơ sở vật chất kỹ thuật còn rất yếu và thiếu. Nhìn chung mật độ các cơ sở này không cao, không đồng đều giữa các khu vực, chất lượng các dịch vụ còn kém chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng đa dạng của du khách.

2.5. Sản phẩm du lịch và thị trường khách

Các sản phẩm du lịch chủ yếu đang được khai thác hiện nay là du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch tham quan nghỉ dưỡng biển.

Với lợi thế về tài nguyên tự nhiên phong phú bao gồm các khu vực tự nhiên còn hoang sơ rất thích hợp cho việc tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu, nâng cao nhận thức và kiến thức về tài nguyên, môi trường, sinh thái (trên các đảo và khu vực ven biển). Hiện nay loại hình này đã được một số công ty lữ hành tổ chức cho khách đến các điểm du lịch trên đảo Quan Lạn, Ba Mùn. Các loại hình đi theo loại hình du lịch này chủ yếu là khách phương tây như Pháp, Anh, Thụy Điển. Theo đánh giá của các du khách thì môi trường tự nhiên ở một số điểm đến trên các đảo còn tương đối hoang sơ trong lành, hệ động thực vật hết sức phong phú. Tuy nhiên phần đông ý kiến cũng cho rằng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch và nhận thức của người dân còn yếu kém. Muốn phát triển loại hình du lịch này đòi hỏi sự đồng thuận hơn nữa từ phía chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người dân.

Các loại hình du lịch văn hóa cũng được phát triển ở Vân Đồn từ lâu. Với lịch sử phát triển lâu dài, trong quá khứ Vân Đồn đã từng là thương cảng buôn bán sầm uất một thời. Ngoài ra Vân Đồn còn là cái nôi của nền văn hóa Hạ Long đã từng phát triển trong quá khứ. Du khách tham gia loại hình du lịch văn hóa chủ yếu là thăm quan, nghiên cứu những di tích lịch sử, văn hóa, khảo cổ (với những dấu tích về tiến hóa cộng đồng con người, về giao lưu văn hóa trong vùng, về lịch sử dựng nước và giữ nước, về các hoạt động kinh tế - xã hội qua các thời đại). Các điểm đến thường được du

khách lựa chọn là đình Quan Lạn, chùa Quan Lạn, di chỉ khảo cổ hang Soi Nhụ, di chỉ Ngọc Vũng, Nghè Trần Khánh Dư.

Hiện trạng môi trường (không khí, nước ngọt trên các đảo, biển, hệ sinh thái) trên các đảo khu vực Vân Đồn hầu như chưa có dấu hiệu ô nhiễm là những điều kiện hết sức thuận lợi cho việc tổ chức loại hình du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng biển. Du khách đến với Vân Đồn theo loại hình du lịch này chủ yếu là người Việt Nam. Khi được hỏi lý do tại sao lại chọn Vân Đồn điếm đến thăm quan, nghỉ ngơi hầu hết các câu trả lời đều cho rằng Vân Đồn còn nhiều lợi thế về cách quan tự nhiên, có đảo núi, có bãi tắm, thiên nhiên còn tương đối hoang sơ, mặt khác các địa điếm nghỉ dưỡng của Vân Đồn lại nằm xa khu dân cư vì vậy tạo cho du khách cảm giác yên tĩnh, thư giãn. Đến với Vân Đồn du khách như được sống trong một thế giới khác tránh đi mọi ồn ào, ô nhiễm nơi đô thị.

Hiện tại cả du khách Việt Nam và Quốc Tế muốn đi du lịch Vân Đồn có thể đặt tour qua các công ty du lịch. Ngoài ra cũng có rất nhiều du khách thích du lịch theo kiểu tự do.

Các chương trình du lịch đến Vân Đồn được rất nhiều công ty du lịch chào bán trong đó có cả các công ty lữ hành trên địa bàn tỉnh và các công ty lữ hành ở các địa phương khác.

Bảng 2.6. Một số chương trình du lịch đang được các công ty du lịch chào bán đến Vân Đồn

Stt	Tên công ty	Chương trình
1	Công ty du lịch Hải Nam	Hà Nội-Vịnh Bái Tử Long-Vân Đồn-Hạ Long (2ngày 1đêm)
2	Công ty du lịch Anhtour	Hà Nội-Huyện Vân Đồn-Vịnh Bái Tử Long- Đảo Quan Lạn-Hà Nội (3ngày 2đêm)
3	Công ty du lịch Vietravel	Hà Nội-Vịnh Hạ Long-Đảo Quan Lạn-Vịnh Bái Tử Long-Vân Đồn-Hà Nội (5ngày 4đêm)

Hầu hết các công ty du lịch chào bán các chương trình du lịch đến Vân Đồn đều có văn phòng ở Hà Nội. Ngoài ra cũng có một số các công ty lữ hành ở Quảng Ninh như công ty du lịch Quảng Ninh, công ty du lịch và dịch vụ Hòn Gai, công ty du lịch và thương mại Entity, công ty du lịch Lạc Việt. Cũng chào bán các chương trình du lịch đến Vân Đồn. Tuy vậy, điều dễ nhận thấy là hầu hết các chương trình được chào bán na ná giống nhau (phần do nhu cầu từ phía du khách phần do các công ty này sao chép lẫn nhau), có những chương trình được thiết kế đến thẳng Vân Đồn, có những chương trình kết hợp cả thăm quan Hạ Long và một số điểm đến khác trong cùng một chương trình du lịch.

Có rất nhiều du khách đến với Vân Đồn đều cảm thấy thực sự yêu thích không gian và cảnh quan nơi đây, khi được hỏi lý do tại sao lại chọn Vân Đồn đa số ý kiến cho rằng Vân Đồn là điểm đến còn hết sức mới mẻ hoang sơ. Tuy vậy vấn đề cơ sở vật chất ở đây cũng là lý do gây khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động du lịch.

Mặc dù có nguồn tài nguyên du lịch phong phú, tuy nhiên việc khai thác các tài nguyên này để tạo ra những sản phẩm du lịch hấp dẫn du khách thì vẫn đang là vấn đề khó khăn lớn đối với du lịch Vân Đồn. Hiện nay các sản phẩm du lịch đang được khai thác còn đơn điệu, nghèo nàn chưa thực sự mang dấu ấn riêng và hầu hết chưa mang tính chuyên nghiệp. Để tạo ra được hình ảnh mang màu sắc riêng thực sự hấp dẫn du khách trong thời gian tới du lịch Vân Đồn cần cố gắng hơn nữa trong việc tạo ra các sản phẩm du lịch đặc sắc mang những nét đặc trưng biển đảo riêng có của địa phương.

2.5.1. Thị trường khách du lịch

2.5.1.1. Thị trường khách du lịch quốc tế

Mặc dù hàng năm đón một lượng du khách lớn các du khách quốc tế so với một vài địa phương khác trong tỉnh Quảng Ninh như Hạ Long, Móng Cái. Nhưng qua điều tra cho thấy thị trường khách du lịch quốc tế đến với Vân Đồn tương đối đa dạng bao gồm cả du khách mang quốc tịch

Châu Âu, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Châu Mỹ... Theo thống kê của phòng kinh tế huyện Vân Đồn năm 2004 tổng số lượt khách du lịch đến với Vân Đồn đạt 132.044 lượt trong đó khách du lịch quốc tế là 798 lượt. Năm 2009 tổng số lượt khách du lịch đạt 346.000 lượt. Trong đó khách quốc tế là 3002 lượt. Hiện trạng khách du lịch quốc tế đến Vân Đồn được trình bày qua bảng sau:

Bảng 2.7. Hiện trạng khách du lịch quốc tế đến Vân Đồn giai đoạn 2004-2009

(Đơn vị tính: Lượt)

Năm	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng số	132044	198067	241000	276000	311000	346000
Trong đó						
Khách quốc tế	798	1120	1671	2119	2567	3002
Tốc độ tăng trưởng(%)		40,3	49,1	26,8	27,9	26,8

(Nguồn: Phòng kinh tế huyện Vân Đồn)

Khách quốc tế vẫn chiếm con số ít ỏi trong tổng số lượt khách đến với khu vực này. Trong 4 năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng trung bình đạt của khách quốc tế đạt 38.7%, mặc dù khách quốc tế đến với Vân Đồn năm sau tăng hơn năm trước, tuy nhiên con số này còn khá khiêm tốn so với khách du lịch quốc tế đến với Quảng Ninh.

Số ngày lưu trú bình quân của khách quốc tế ở Vân Đồn còn rất thấp, từ 1,5 – 2 ngày. Đối với khách du lịch nội địa thời gian lưu trú còn thấp hơn từ 1 – 1,5 ngày. Thời gian lưu trú cho chúng ta thấy rõ chất lượng phục vụ du lịch, thời gian lưu trú ngắn có nghĩa là các dịch vụ còn nghèo nàn, tuyến điểm thăm quan ít, không có điểm mới cho nên không kéo dài được thời gian lưu trú.

Khách quốc tế đến với Vân Đồn vào hầu hết các khoảng thời gian trong năm nhưng tập chung đông hơn cả là vào khoảng từ tháng 9 đến hết tháng 12

Có thể thấy rằng du lịch Vân Đồn đã có sức hấp dẫn với rất nhiều đối tượng khách quốc tế khác nhau đến từ rất nhiều quốc gia trên thế giới. Điều đó chứng tỏ tiềm năng du lịch Vân Đồn là rất lớn, vấn đề là làm sao khai thác được tiềm năng đó, đồng thời cũng có những giải pháp thực sự tích cực để thu hút khách đến với khu vực này.

2.5.1.2. Thị trường khách du lịch nội địa

Cho đến nay thị trường khách du lịch trong nước vẫn chiếm ưu thế trong cơ cấu du khách đến với Vân Đồn. Khách du lịch nội địa đến đây chủ yếu là khách trong tỉnh, khách Hà Nội và một số tỉnh lân cận phía Bắc. Một số ít đến từ thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam, ngoài ra còn có một số đối tượng khách là Việt kiều về Vân Đồn theo dạng thăm thân.

Bảng 2.8. Hiện trạng khách du lịch nội địa đến Vân Đồn giai đoạn 2004-2009

(Đơn vị tính: Lượt)

Năm	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng số	132044	198067	241000	276000	312000	376000
Trong đó						
Khách nội địa	131246	196947	239329	273881	280000	301000
Tốc độ tăng trưởng (%)		50,0	21,5	14,4	15,0	15,5

(Nguồn: Phòng kinh tế huyện Vân Đồn)

Qua bảng 2.8 cho thấy, năm 2004 tổng số lượng khách nội địa đến Vân Đồn đạt 131246 lượt đến 2009 con số này đã tăng lên 301000 lượt. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2004-2009 là 28,6% tuy nhiên tốc độ tăng trưởng lại không đều qua các năm. Nếu như giai đoạn 2004-2005 tốc độ tăng trưởng khách đạt tới 50%/năm thì đến giai đoạn 2006-2007 giảm xuống chỉ còn 14%/năm, giai đoạn 2007-2009 tăng lên 15%/năm.

Điều này được lý giải bởi nhiều nguyên nhân trong đó các nguyên nhân tăng trưởng chủ yếu nhất là:

– Năm 2003 cơ sở hạ tầng của Vân Đồn được nâng cấp lên một bước, cụ thể là việc khánh thành cầu Vân Đồn 1, 2, 3 và trải nhựa tuyến đường 334 từ bến phà Tài Xá cũ về trung tâm thị trấn, đây là điều kiện hết sức thuận lợi giúp cho việc đi lại của du khách khi đến với Vân Đồn, rút đi khoảng cách giữa đất liền và huyện đảo sau nhiều năm cách trở.

– Địa bàn du lịch được mở rộng, các danh lam, thắng cảnh được tôn tạo, nâng cấp, hệ thống các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch được quan tâm đầu tư phát triển...đã tạo lên những chuyển biến rõ rệt.

Tuy nhiên giai đoạn 2007 tốc độ tăng trưởng du khách giảm đi là do nhiều nguyên nhân:

– Do chưa thực sự có những chuyển biến tích cực cả về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, các sản phẩm du lịch vẫn còn nghèo nàn không có sự đột phá để tạo ra các sản phẩm mới hấp dẫn hơn.

– Công tác tuyên truyền quảng bá không được chú trọng hầu như chỉ được giới thiệu một chút thông qua các chương trình giới thiệu về du lịch của sở du lịch Quảng Ninh, chưa có một động thái nào từ phía chính quyền Vân Đồn.

– Từ cuối năm 2005 tính hình thời tiết diễn biến phức tạp, hạn hán trong nước kéo dài gây thiếu điện, đó ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và dịch vụ du lịch.

– Đầu tư cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ các tuyến giao thông trên đảo nhiều nơi còn chưa hoàn thành, các xã đảo chưa có hệ thống điện sáng, điện thoại, nước sinh hoạt còn thiếu. Nhiều dự án đầu tư du lịch triển khai còn chậm.

– Chưa có các khu vực vui chơi giải trí để thu hút du khách, các di sản di tích văn hóa và danh lam thắng cảnh chưa được đưa vào khai thác, trùng tu bảo vệ. Đội ngũ cán bộ và lao động làm trong ngành du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu về chuyên môn nghiệp vụ.

Khách du lịch nội địa đến Vân Đồn chủ yếu tập chung vào mùa hè và chủ yếu vẫn là khách thăm thân, thăm quan, lễ hội. Số lượng khách tập chung không đều tại các điểm du lịch. Chẳng hạn như khu vực Bãi Dài, Quan Lạn tập chung tới 80% lượng khách còn lại ở các khu vực khác như Ngọc Vũng, Ba Mùn lượng khách đến đây rất ít. Khách du lịch đến đây chủ yếu từ các tỉnh phía Bắc, nhiều nhất là các du khách trong tỉnh và từ một số tỉnh lân cận giáp ranh với Quảng Ninh.

2.6. Đánh Giá Chung

2.6.1. Ưu điểm

Vân Đồn là huyện đảo có địa hình điều kiện tự nhiên khó hấp dẫn với nguồn tài nguyên du lịch phong phú, đặc biệt là tài nguyên biển đảo với những bãi biển tuyệt đẹp như Sơn Hào, Minh Châu, Quan Lạn, Bãi Dài, hệ thống động thực vật phong phú trên các đảo và vườn Quốc gia Bái Tử Long... đó chính là những điều kiện thuận lợi để Vân Đồn phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, mạo hiểm.

Nằm cạnh di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, cách thành phố Hạ Long chưa đầy 40km trên quốc lộ 18a nối thủ đô Hà Nội với cửa khẩu Đông Hưng – Trung Quốc và trên đường cao tốc Hạ Long – Móng Cái. Trong tương lai gần khi dự án khu kinh tế tổng hợp Vân Đồn được triển khai sẽ có thêm sân bay quốc tế, cảng biển...đây là những điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư cũng như du lịch.

Vân Đồn cũng là nơi có rất nhiều các di tích, di sản có giá trị cả về văn hóa, lịch sử và du lịch như đình, chùa Quan Lạn, các di chỉ khảo cổ. Đó là điều kiện thuận lợi để Vân Đồn phát triển loại hình du lịch tham quan, nghiên cứu, tìm hiểu văn hóa lịch sử khảo cổ học.

Hoạt động du lịch ở Vân Đồn đã có những bước phát triển mới. Doanh thu từ hoạt động du lịch không ngừng được tăng lên, cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch của các địa phương được cải thiện đáng kể, ngày càng xuất hiện nhiều hơn các dự án đầu tư về du lịch. Lao động trong ngành du lịch cũng không ngừng tăng lên.

Ngành du lịch đó mang lại lợi ích xã hội không nhỏ, tạo thêm nhiều công an việc làm, làm khởi sắc bộ mặt kinh tế - xã hội của huyện. Ngành du lịch đã có những đóng góp thiết thực làm cho Vân Đồn ngày càng trở lên giàu đẹp hơn.

2.6.2. Hạn chế, tồn tại

Cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tuy đó được cải thiện nhiều nhưng thực tế vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách về số lượng lẫn chất lượng.

Sản phẩm du lịch còn nghèo nàn không thể hiện được bản sắc đặc trưng độc đáo của tài nguyên du lịch Vân Đồn.

Đội ngũ lao động trong ngành du lịch tuy đó được củng cố tăng cường song số lượng vẫn còn quá ít, vẫn rất thiếu những các bộ quản lý có trình độ chuyên môn.

Công tác tuyên truyền quảng bá xúc tiến du lịch còn hạn chế chưa theo kịp nhu cầu phát triển chung của ngành.

Các doanh nghiệp du lịch Vân Đồn nhìn chung quy mô còn nhỏ, năng lực cạnh tranh hạn chế, thiếu sự liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp.

Tiểu kết chương II

Chương II đã giải quyết được nhiệm vụ nghiên cứu thứ hai và thứ ba của đề tài là đi sâu phân tích tiềm năng du lịch của Vân Đồn và thực trạng hoạt động du lịch biển đảo ở đây. Trên cơ sở đó chương II bước đầu đưa ra được những đánh giá nhận xét về những ưu điểm và hạn chế của việc phát triển du lịch biển đảo ở Vân Đồn.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ NHẪM PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRÊN HUYỆN ĐẢO VÂN ĐỒN

3.1. Định hướng phát triển du lịch

3.1.1. Định hướng không gian phát triển và sản phẩm du lịch

Trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2000 – 2010 Vân Đồn được xác định là một trong bốn khu vực trọng điểm phát triển du lịch. Không gian của huyện được xác định trong bản quy hoạch bao gồm trên 600 hòn đảo lớn, nhỏ và vụng ven bờ trong vịnh Bái Tử Long với diện tích 596,7km² trong đó đảo Cái Bàu 318,5km², quần đảo Vân Hải 278,2km². Các khu vực du lịch trọng điểm phát triển du lịch trong huyện được xác định trong bản quy hoạch là:

- Điểm du lịch đảo Cái Bàu
- Điểm du lịch Ngọc Vũng
- Điểm du lịch Quan Lạn
- Điểm du lịch Minh Châu

Không gian khu du lịch Vân Đồn cần được định hướng theo các khu chức năng như khu lưu trú dịch vụ ven bờ, khu du lịch biển đảo để từ đây định hướng các sản phẩm du lịch cụ thể, đặc trưng cho từng khu vực trên cơ sở những lợi thế về tài nguyên cũng như các nguồn lực khác để phát triển.

Khu lưu trú dịch vụ ven bờ bao gồm khu vực thị trấn Cái Rồng, khu vực Bãi Dài. Về lâu dài phát triển khu vực này với chức năng là trung tâm đón tiếp, đồng thời là trung tâm lưu trú, vui chơi giải trí, mua sắm và là điểm xuất phát cho các tuyến du lịch ra các đảo. Có thể định hướng sản phẩm cho khu vực này như sau:

- + Du lịch cuối tuần
- + Du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng, tắm biển
- + Du lịch văn hóa
- + Du lịch cộng đồng

Khu vực du lịch biển đảo bao gồm các đảo ngoài khơi như Ngọc Vũng, Quan Lạn, Minh Châu, Ba Mùn. Do đặc thù về địa lý, các đảo chủ yếu nằm xa đất liền, đảo gần nhất cũng cách bờ tới hơn 30km vì vậy có thể định hướng sản phẩm cho các khu vực sao cho các sản phẩm du lịch phải hết sức đặc trưng và có thể lấy đó làm cơ sở cho việc định hướng phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch và đào tạo lao động phục vụ du lịch. Có thể định hướng các sản phẩm cho từng khu vực như sau:

- + Đảo Ngọc Vũng: Du lịch nghỉ dưỡng, trăng mật
- + Đảo Quan Lạn: Du lịch sinh thái. Du lịch văn hóa, cộng đồng, tắm biển, thể thao dưới nước
- + Đảo Ba Mùn – Vườn quốc gia Bái Tử Long: Du lịch sinh thái, lặn biển, leo núi, mạo hiểm

3.1.2. Định hướng với thị trường khách

Thị trường khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế được xác định trên cơ sở nhu cầu đi du lịch, đặc điểm tâm lý xã hội của khách, các sản phẩm du lịch hiện có và sản phẩm du lịch tiềm năng có thể đáp ứng phục vụ khách kết hợp với các xu hướng đi du lịch.

Khách du lịch nội địa có ý nghĩa rất quan trọng trong cơ cấu nguồn khách du lịch của Vân Đồn. Khách du lịch đến Vân Đồn bao gồm nhiều lứa tuổi, nhiều thành phần khác nhau. Trong tương lai cần lưu ý đến đối tượng chính là:

Khách nghỉ cuối tuần: Chủ yếu là khách nghỉ trong tỉnh và một số tỉnh lân cận như Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương...

Khách thăm quan, nghỉ biển: Khách trong tỉnh, Hà Nội và các tỉnh phía Bắc

Khách đi theo tour trọn gói: Từ Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh thành trong cả nước.

Khách đi nghỉ tuần trăng mật: Các cặp vợ chồng từ Hà Nội, các tỉnh phía bắc.

Thanh niên, học sinh trong tỉnh, Hà Nội và các khu vực phụ cận.

Dự báo tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2010 – 2015 là 21% như vậy số lượng khách đến Vân Đồn vào năm 2010 sẽ đạt khoảng 350 ngàn lượt khách nội địa và năm 2015 là khoảng 700 lượt.

Khách du lịch quốc tế sẽ là thị trường khách quan trọng trong nguồn khách du lịch đến Vân Đồn. Khách du lịch quốc tế đến Vân Đồn có nhiều nguồn gốc, quốc tịch khác nhau. Chưa có một thống kê cụ thể nào từ phía các cơ quan quản lý du lịch của tỉnh cũng như của huyện về cơ cấu khách du lịch quốc tế đến Vân Đồn. Tuy nhiên căn cứ vào nhu cầu du lịch, đặc điểm tâm lý xã hội của khách, các sản phẩm du lịch đặc trưng của Vân Đồn cũng có thể đưa ra mục tiêu hướng tới thị trường khách quốc tế sau:

– Châu Á: Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Các nước Đông Bắc Á, Đông Nam Á. Với các sản phẩm đặc trưng: du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái.

– Châu Âu: Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đan Mạch... Các đối tượng khách bao gồm nhiều thành phần từ thanh niên, trung niên đến những người đã nghỉ hưu. Với các sản phẩm: du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch mạo hiểm, lặn biển, câu cá.

– Châu Úc: Otraxaylia, Niudilan với các đối tượng khách là học sinh, sinh viên, công chức. Các sản phẩm du lịch đáp ứng thị trường này bao gồm: du lịch thăm quan, du lịch sinh thái, mạo hiểm, du lịch cộng đồng.

– Khách Việt Kiều: Tập chung vào tất cả các đối tượng khách từ các nước trở về du lịch.

– Châu Mỹ: Hoa Kỳ, Canada cần tập chung vào đối tượng khách là thanh niên, trung niên, cựu chiến binh. Với các sản phẩm du lịch: thăm quan nghỉ biển, du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm.

Dự báo mức độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2010 – 2015 là 45%. Như vậy số lượng khách du lịch quốc tế đến thăm quan du lịch Vân Đồn vào năm 2010 sẽ đạt khoảng hơn 6 ngàn lượt và năm 2015 ước đạt khoảng 39 ngàn lượt.

3.2. Một Số Khuyến Nghị

3.2.1. Khuyến nghị đối với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

– Đưa du lịch Vân Đồn vào vùng trọng điểm du lịch quốc gia (khu chuyên đề: du lịch sinh thái biển đảo, du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng).

– Hỗ trợ nguồn kinh phí đào tạo bồi dưỡng cán bộ du lịch của huyện Vân Đồn.

– Tăng thêm vốn đầu tư trong chương trình hành động quốc gia về du lịch cho du lịch Vân Đồn đặc biệt đầu tư vào việc bảo vệ các khu du lịch sinh thái biển, bảo vệ môi trường tự nhiên trên các đảo.

– Hỗ trợ Vân Đồn tổ chức các hội nghị xúc tiến các thị trường khách, đặc biệt là khách du lịch Châu Âu.

3.2.2. Khuyến nghị đối với tỉnh Quảng Ninh

– Hàng năm dành nguồn kinh phí nhất định để đầu tư cho công tác tuyên truyền quảng bá du lịch, xúc tiến đầu tư cho du lịch Vân Đồn.

– Cần tập trung đẩy mạnh đầu tư xây dựng các cụm du lịch trọng điểm: thị trấn Cái Rồng – Bãi Dài, xã Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng để khai thác có hiệu quả về mặt du lịch sinh thái, du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng và các loại hình thể thao trên biển nhằm nâng cao hình ảnh Vân Đồn – khu du lịch biển đảo chất lượng cao ở trong nước và quốc tế.

– Cần cung cấp nhiều hơn nữa những thông tin giới thiệu tiềm năng du lịch Vân Đồn để thu hút khách du lịch và các nhà đầu tư, nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp và cư dân địa phương về du lịch, đưa du lịch trở thành sự nghiệp của toàn dân.

– Cấp kinh phí hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.

3.2.3. Khuyến nghị đối với huyện Vân Đồn

Vân Đồn cần có những giải pháp cụ thể để nâng cao hình ảnh và tính đặc thù của một vùng biển nhiều tiềm năng du lịch. Đặc biệt ngay từ bi giờ ngành du lịch Vân Đồn cần quan tâm hơn nữa tới các vấn đề về vệ sinh môi trường, hệ thống cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, mở rộng

và phát triển các khu vui chơi giải trí, lựa chọn phát triển các khu vực đặc thù cho từng sản phẩm du lịch cụ thể.

Nâng cao trình độ của lực lượng lao động trong ngành du lịch.

Nâng cao nhận thức của người dân địa phương làm cho họ hiểu được lợi ích từ việc phát triển hoạt động du lịch, giúp họ có nhận thức đầy đủ hơn trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường, tài nguyên du lịch hướng tới việc phát triển du lịch một cách bền vững.

3.2.4. Khuyến nghị với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn.

– Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp, nâng cao chất lượng các dịch vụ, tuyên truyền quảng cáo trên mọi phương tiện: đài, báo, tập gấp...

– Các doanh nghiệp cần tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí cho cán bộ công nhân viên của các đơn vị học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

– Mỗi doanh nghiệp cần có quy định chung trong trang phục của nhân viên tạo bản sắc riêng của doanh nghiệp.

Tiểu kết chương III

Phát triển du lịch mang lại lợi ích xã hội góp phần xóa đói, giảm nghèo và bảo vệ môi trường là mục tiêu của ngành du lịch Việt Nam. Đối với Vân Đồn việc phát triển du lịch càng có ý nghĩa quan trọng đối với một huyện đảo giàu có về tiềm năng du lịch nhưng kinh tế lại chưa thực sự phát triển. Chương III của khóa luận đã chỉ ra các định hướng về không gian phát triển và hệ thống thị trường khách. Cuối cùng chương III của khóa luận cũng đã giải quyết được nhiệm vụ nghiên cứu là đưa ra được những khuyến nghị thiết thực cho phát triển du lịch biển đảo ở Vân Đồn, Quảng Ninh.

KẾT LUẬN

Việt Nam – Đất nước với chiều dài bờ biển trên 3000km bao gồm nhiều đảo và các bãi tắm tự nhiên tuyệt mỹ từ lâu đã là điểm đến hấp dẫn đối với nhiều du khách trong và ngoài nước. Đối với ngành du lịch Việt Nam du lịch biển đảo cũng đã được xác định là hướng quan trọng cho phát triển du lịch.

Cùng nằm trên dải bờ biển ấy – Vân Đồn là khu vực biển đảo thuộc vịnh biển Bắc Bộ với địa hình khá đa dạng bao gồm cả đảo đất, đảo đá và bán đảo. Những đặc trưng về địa hình và các điều kiện tự nhiên là cơ sở quan trọng để phát triển du lịch biển đảo ở đây. Huyện đảo Vân Đồn một vùng đất chứa đựng rất nhiều những giá trị văn hóa gắn liền với những thăng trầm của hàng ngàn năm lịch sử. Nơi đây đã từng là nơi tụ cư rất sớm của người Việt, trong quá trình sinh sống và làm việc con người đã tạo lên một quần thể các di tích khang trang, bề thế như thương cảng Vân Đồn, đình, chùa, đền, chùa Lám... Bên cạnh đó huyện đảo Vân Đồn còn mang đậm những nét bản sắc, phong tục của người dân biển đảo, không những thế nơi đây còn chứa đựng nhiều nét văn hóa của đồng bào các dân tộc ít người. Trong đó đặc sắc nhất là văn hóa tộc người Sán Dìu. Đặc biệt hơn là khi nhắc đến Vân Đồn, chắc chắn rằng du khách đã từng đến đây sẽ rất ấn tượng với một hội làng có quy mô lớn và mang đậm tính chất vùng miền như lễ hội Vân Đồn, một lễ hội vừa nhằm tưởng nhớ công lao của vị tướng Trần Khánh Dư trong trận Vân Đồn lịch sử năm 1288, vừa là lễ hội cầu mưa của cư dân vùng biển. Vân Đồn không chỉ nổi tiếng với những di tích, lễ hội mà còn hấp dẫn với những món ăn độc đáo, ngon lạ mà hiếm có: Sà Sùng, Sứa, Hà... Những yếu tố trên là điều kiện tốt để phát triển du lịch trên vùng đất Vân Đồn.

Trên thực tế hệ thống các di tích, lễ hội trên vùng đất Vân Đồn này còn mang những giá trị về lịch sử, giá trị cộng đồng và giá trị tâm linh sâu sắc. Tuy nhiên hiện nay hoạt động du lịch chủ yếu là các hoạt động tham quan các di tích, hoạt động du lịch lễ hội. Các hoạt động này cũng mang

tính mùa vụ, không đồng đều trong tất cả các tháng trong năm. Trong thời đại ngày nay khi nền kinh tế phát triển, các quốc gia ngày càng xích lại gần nhau hơn thì nền văn hóa của mỗi dân tộc đang là trung tâm thu hút sự chú ý quan tâm của đông đảo du khách. Vì vậy việc khai thác các tài nguyên vẫn phải gắn liền với việc giữ gìn, bảo tồn các giá trị văn hóa để du lịch phát triển một cách bền vững.

Trong khuôn khổ của khóa luận, do điều kiện còn hạn chế nên khóa luận chưa tìm hiểu được kỹ về các di tích, lễ hội, cũng như chưa có điều kiện đánh giá một cách chính xác, đầy đủ về giá trị cũng như hoạt động du lịch chính vì vậy mà khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến phê bình và ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn, phòng văn hóa thông tin huyện đã cung cấp cho em những thông tin cần thiết và bổ ích cho khóa luận tốt nghiệp của em.

Em cũng xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong trường và nhất là các thầy cô giáo trong bộ môn Văn Hóa Du Lịch trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng đã nhiệt tình dạy bảo em trong thời gian em học ở trường. Đặc biệt em xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến TS. Vũ Mạnh Hà người thầy đã giúp em định hướng , chỉ bảo giúp em hoàn thành khóa luận của mình. Em xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Hải Yến (2007), **Quy hoạch du lịch**, Nxb Giáo dục. Hà Nội.
2. Bùi Thị Hải Yến, Phạm Hoàng Long (2007), **Tài nguyên du lịch**, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Đào Đình Bắc (2000), **Địa mạo đại cương**, Nxb Đại Học Quốc Gia, Hà Nội.
4. **Địa chí Quảng Ninh** (tập I, II, III)(2003), Nxb Thế giới, Hà Nội.
5. Đỗ Văn Ninh (1997), **Huyện đảo Vân Đồn**, UBND Huyện Vân Đồn.
6. Đỗ Văn Ninh(2004), **Thương cảng Vân Đồn**, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
7. Đỗ Quỳnh Phương (1993), **Quảng Ninh – Hạ Long miền đất hứa**, Nxb Thế giới, Hà Nội.
8. Điền Nam – Trần Nhuận Minh (1996), **Những lễ hội độc đáo ở tỉnh Quảng Ninh**, tạp chí văn hóa dân gian số 3.
9. Lê Hồng Lý (2000), **Đôi nét về phong tục làng Quan Lạn**, tạp chí văn hóa dân gian số 3.
10. Lê Xuân Hồng (2006), **Cơ sở đánh giá tác động môi trường**, Nxb Thống kê, Hà Nội.
11. **Luật du lịch** (2005), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Lý Thanh Nguyên (2003), **Huyện đảo Vân Đồn – tiềm năng lớn về du lịch Quảng Ninh**, Tạp chí biển Việt Nam số tháng 10.
13. Nhà xuất bản khoa học xã hội (1993), **Đại việt sử ký toàn thư**,(bản dịch của Viện sử học), Hà Nội.
14. **Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung Ương Đảng khóa X**, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiến (2001), **Du lịch bền vững**, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
16. Nguyễn Đình Hòe (2006), **Môi trường và phát triển bền vững**, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

17. Nguyễn Chu Hồi (2005), **Cơ sở tài nguyên và môi trường biển**. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
18. Nguyễn Như Ý (1999), **Từ điển tiếng Việt**, Nxb Văn hóa thông tin Hà Nội.
19. Nguyễn Văn Phòng (2007), **Bách khoa toàn thư về biển**, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
20. Phùng Ngọc Đình (1999), **Tài Nguyên biển Đông Việt Nam**, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
21. Phạm Trung Lương (2002), **Du lịch sinh thái, những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam**, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
22. Phạm Trung Lương (2000), **Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam**, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
23. Sở Văn Hóa – Thể Thao – Du Lịch Quảng Ninh, **Báo cáo tổng kết hoạt động du lịch giai đoạn 2001- 2006**.
24. Tổng cục du lịch Việt Nam (2004), **Di sản thế giới ở Việt Nam**, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
25. Trần Minh Đạo chủ biên (1999), **Marketing du lịch**, Nxb Thống kê, Hà Nội.
26. Trần Đức Thanh (2003), **Nhập môn khoa học du lịch**, Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
27. Đào Duy Anh: **Việt Nam văn hóa sử cương**. Tái bản. Nxb Văn hóa thông tin.
28. Phan Kế Bính: **Văn hóa phong tục** (xuất bản lần đầu năm 1915, tái bản nhiều lần).
30. Bùi Thị Hải Yến: **Tuyển điểm du lịch Việt Nam**. Nxb Giáo dục. Hà Nội 2006.
31. Đỗ Văn Ninh: **Huyện đảo Vân Đồn**. Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn. Hà Nội 1997.
32. vietnamtourism.com

33. baoquangninh.com.vn

34. halong.org.vn

35. Google.com.vn

PHIẾU HỎI

I. Đối với du khách khi tới huyện đảo Vân Đồn.

1. Ông, bà hoặc anh chị đi du lịch theo hình thức nào?

Theo đoàn Cá nhân

2. Mục đích chính khi tới Vân Đồn của quý khách là gì?

Thăm quan, nghỉ mát Hội nghị
 Nghiên cứu

3. Quý khách ấn tượng nhất về mặt nào ở Vân Đồn?

Cảnh quan Thương cảng
 Biển đảo

4. Quý khách thấy món ăn ở đây như thế nào?

Ngon Không ngon
 Bình thường

5. Khí hậu ở đây có dễ chịu không?

Dễ chịu Bình thường
 Không dễ chịu

6. Sự khác biệt của khu du lịch này với các điểm du lịch khác?

Cảnh quan Biển
 Các di tích

7. Tại sao quý khách lại chọn Vân Đồn để tham quan?

Cảnh quan đẹp Có vườn quốc gia
 Có nhiều di tích Có nhiều di tích

8. Quý khách đánh giá như thế nào về môi trường du lịch ở Vân Đồn?

Rất sạch đẹp Mới bị ô nhiễm
 Đang có nguy cơ ô nhiễm Bị ô nhiễm

9. Quý khách đến Vân Đồn bao nhiêu lần rồi?

Một lần Hai lần
 Trên hai lần

II. Đối với những nhà kinh doanh du lịch.

1. Thời gian du khách lưu trú là bao lâu?

Từ 1-2 ngày

Trên 4 ngày

Từ 3-4 ngày

2. Giá cả của cơ sở kinh doanh như thế nào?

Phù hợp

Không phù hợp

3. Thái độ của nhân viên phục vụ?

Nhiệt tình

Không nhiệt tình

Rất nhiệt tình

4. Du khách ấn tượng gì về cơ sở lưu trú?

Cách phục vụ

Giá cả

Cơ sở vật chất

5. Du khách đánh giá những dịch vụ của cơ sở lưu trú như thế nào?

Rất tốt

Khá tốt

Trung bình

Kém

6. Những mặt hạn chế của cơ sở lưu trú?

Đội ngũ nhân viên

Vốn

Cơ sở vật chất

7. Số lượng khách đến cơ sở lưu trú?

Nhiều

Trung bình

Rất nhiều

Ít

8. Thường là du khách ở đâu đến lưu trú?

Trong tỉnh

Trong cả nước

Các tỉnh lân cận

9. Du khách có sử dụng thêm các dịch vụ khác của khách sạn không?

Có

Không

PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1

Một số hình ảnh về Vân Đồn



Đình Quan Lạn











2. Phụ Lục 2

Các dự án phát triển du lịch đã và đang triển khai ở Vân Đồn

TT	Đơn vị đầu tư	Dự án	Tình hình thực hiện	Dự kiến vốn đầu tư (tỷ đồng)
	Xã Đông Xá			
1	Công ty kinh doanh phát triển nhà Hòn Gai	Khu đô thị+du lịch Đảo Cặp Tiên 1	Đang lập dự án	100
2	Công ty 12	Khu đô thị+du lịch Đảo Cặp Tiên 2	Đang lập dự án	158
	Xã Hạ Long			
3	Xí nghiệp hợp lực Mai Quyền	Khu du lịch Bãi Dài và khu đô thị Ao Tiên	Đang thực hiện	250
4	Dự kiến: Nhà đầu tư than Việt Nam, Công ty Viglacera, Công ty Thủy Hải	Khu đô thị du lịch Bái Tử Long mở rộng	Đang trình tỉnh duyệt quy hoạch	
5	Công ty TNHH Công nghệ Việt Mỹ	Khu du lịch sinh thái Bái Tử Long	Đang hoàn thiện hồ sơ đã thi công 1 số hạng mục giai đoạn 1 năm 2003	110
6	Công ty Quang Vinh	Khu du lịch Bãi Dài mở rộng	Thỏa thuận địa điểm đang lập dự án	20
7	Công ty Huynh Đệ	Khu du lịch Bãi Dài mở rộng	Thỏa thuận địa điểm đang lập dự án	10

8	Công ty Viglacera	Khu du lịch Bãi Dài mở rộng	Thỏa thuận địa điểm đang lập dự án	150
9	Công ty Thành Tâm	Khu du lịch Bãi Dài mở rộng	Thỏa thuận địa điểm đang lập dự án	20
	Xã Quan Lạn			
10	Công ty công nghệ Việt Mỹ	Khu du lịch sinh thái Bái Tử Long	Đang lập dự án, đã xây dựng một số hạng mục	15
11	Tổng công ty điện lực Việt Nam	Dự kiến: Nhà nghỉ tại bãi cát Đồng Hồ	Chưa thỏa thuận địa điểm	
12	Tổng công ty Viglacera	Khu du lịch Sơn Hào	Đang lập dự án	350
13	Công ty Cánh Buồm Nhiệt Đới	Khu du lịch Hòn Gội	Đang lập dự án	10
	Xã Ngọc Vũng			
14	Tổng công ty Sông Đà	Khu du lịch	Đã thỏa thuận địa điểm	40
15	Công ty VIT	Quy hoạch du lịch Ngọc Vũng	Đang lập dự án	120
16	Công ty thái JSC	Khu du lịch	Đang lập dự án	
17	Công ty Đài Sơn	Khu du lịch	Đang lập dự án	
18	Công ty Yến Long	Đảo Trà Ngộ	Đang lập dự án	
	Tổng vốn đầu tư			1.353

3. Phụ lục 3

Danh Sách Nhà Hàng

TT	Tên nhà hàng	Chủ cơ sở	Điện thoại	Địa chỉ
1	Minh Hải	Lưu Thị Hải	796323	Khu 8-Thị Trấn Cái Rồng
2	Đặng Hiền II	Bùi Văn Sinh	796848	Khu 8-Thị Trấn Cái Rồng
3	Phấn Tuyết	Lê Thị Tuyết	874476	Khu 9-Thị Trấn Cái Rồng
4	Kim Liên	Hoàng Thị Xuyến	874199	Khu 9-Thị Trấn Cái Rồng
5	Phương Thủy	Trần Duy Phương	796888	Khu 5-Thị Trấn Cái Rồng
6	Đại Dương	Nguyễn Thị Nguyệt	993680	Khu 8-Thị Trấn Cái Rồng
7	Tân Huyền	Lê Thị Huyền	290199	Khu 8-Thị Trấn Cái Rồng
8	Minh Châu	Phạm Quốc Huy	874352	Khu 8-Thị Trấn Cái Rồng

4. Phụ Lục 4

UBND Huyện Vân Đồn

Phòng Văn Hóa – Thông Tin

Danh sách khách sạn, nhà nghỉ trên địa bàn huyện Vân Đồn

TT	Tên cơ sở	Số phòng	Chủ cơ sở	Điện thoại	Địa chỉ
1	Ks Vân Đồn	32	Châu Văn Quảng	999199	Khu 9 – thị trấn Cái Rồng
2	Ks Việt Linh	21	Nguyễn Hữu Hoạt	793898	Khu 8 – thị trấn Cái Rồng
3	Ks Hải Minh	22	Phạm Thị Sâm	794838	Khu 5 – thị trấn Cái Rồng
4	Ks Hà Nội	10	Vũ Thị Xuân	874108	Khu 8 – thị trấn Cái Rồng
5	Ks Nhật Thăng	15	Trần Thị Phúc	793383	Khu 9 – thị trấn Cái Rồng
6	Cty công nghệ Việt Mỹ	76	Cty TNHH Việt Mỹ	793156	Thôn 2 – Hạ Long
7	Cty hợp lực Mai Quyền	100	Tạ Đức Quyết	874429	Xã Hạ Long
8	Cty Vân Hải Xanh	12	GD Lương Quang Vượng	877065	Thôn Sơn Hào
9	Cty Vận Tải Viglacera	34	Cty vận tải Viglacera	877212	Thôn Sơn Hào
10	Cty Cảng và KD Than	20	GD Chu Xuân Hùng	867949	Đảo Cống Tây – Thắng Lợi

11	Nhà nghỉ Phương Tuyết	05	Phạm Thị Tiến	874482	Khu 4 – thị trấn Cái Rồng
12	Ks Ngân Hà	10	Phạm Thị Ngân	877299 6	Thôn Đông Nam – Quan Lạn
13	Nhà Nghỉ Minh Khai	05	Nguyễn Thị Bình	874984	Khu 8 – thị trấn Cái Rồng
14	Nhà Nghỉ Thùy Linh	05	Phạm Thị Bản	874466	Khu 7 – thị trấn Cái Rồng
15	Nhà Nghỉ Việt Hưng	05	Phạm Thị Xá	874014	Khu 8 – thị trấn Cái Rồng
16	Nhà Nghỉ Hải Anh	06	Nguyễn Thị Thảo	793883	Thôn 1 xã Hạ Long
17	Nhà Nghỉ Thu Hằng	09	Lưu Thị Hân	874623	Khu 8 – thị trấn Cái Rồng
18	Nhà Nghỉ Thanh Thảo	05	Bùi Thị Thứ	874380	Khu 8 – thị trấn Cái Rồng
19	Nhà Nghỉ Thanh Sơn	06	Nguyễn Văn Sơn	874513	Khu 8 – thị trấn Cái Rồng
20	Nhà Nghỉ Duy Khánh	09	Nguyễn Thị Liên	874316	Khu 8 – thị trấn Cái Rồng
21	Nhà Nghỉ Khôi Nguyên	06	Nguyễn Thị Ban	874486	Khu 8 – thị trấn Cái Rồng
22	Nhà Nghỉ Huyền Trang	08	Bùi Quang Tòng	877551	Thôn Đông Nam – Quan Lạn

23	Nhà Nghỉ Phượng Hoàng	07	Nguyễn Quốc Hiển	877345	Thôn Đông Nam – Quan Lạn
24	Nhà Nghỉ Robinson	04	Phạm Quang Vinh	877439	Thôn Đông Nam – Quan Lạn
25	Nhà Nghỉ Quỳnh Hương	07	Đào Minh Tuấn	874725	Thôn Đông Tiến – Đông Xá
26	Nhà Nghỉ Khánh Huyền	06	Bùi Thị Mật	874673	Khu 8 – thị trấn Cái Rồng
27	Nhà Nghỉ Nhu Hoa	09	Phạm Văn Hỏa	874435	Khu 8 – thị trấn Cái Rồng
28	Nhà Nghỉ Liên Can	05	Hoàng Văn Liên	874265	Khu 4 – thị trấn Cái Rồng
29	Nhà Nghỉ Ninh Hải	06	Vương Văn Lý	877324	Thôn Ninh Hải – Mình Châu
30	Nhà Nghỉ Phi Hùng	05	Đỗ Trọng Xoa	893574	Thôn 2 – Hạ Long
31	Nhà Nghỉ Mạnh Hùng	06	Phạm Thị Hậu	796185	Thôn Đông Thịnh – Đông Xá
32	Nhà Nghỉ Hà My	08	Nguyễn Thị Nguyệt	796109	Thôn Đông Tiến – Đông Xá
33	Nhà Nghỉ Duyên Hương	03	Đào Thanh Luân	874119	Khu 8 – thị trấn Cái Rồng

34	Nhà Nghỉ Thành Đạt	05	Bùi Thị Bích Hiền	874854	Khu 9 – thị trấn Cái Rồng
35	Nhà Nghỉ Hải Long	10	Vũ Thị Tuyết	796988	Khu 7 – thị trấn Cái Rồng
36	Nhà Nghỉ Trung Nam	06	Lục Thị Xuân Hương	874596	Thôn Khe Ngái – Đoàn Kết
37	Nhà Nghỉ Thu Hà	05	Nguyễn Thị Hoàn	991236	Thôn Đông Tiến – Đông Xá
38	Nhà Nghỉ Thanh Tùng	06	Phạm Quang Thắm	793437	Thôn Khe Ngái – Đoàn Kết
39	Nhà Nghỉ Thịnh Hung	08	Nguyễn Hữu Công	874097	Khu 1 – thị trấn Cái Rồng
40	Nhà Nghỉ Hồng Vân	12	Phạm Văn Lấp	874815	Khu 7 – thị trấn Cái Rồng

41	Nhà Nghỉ Nguyễn Hoàng	14	Hoàng Thị Đào	874102	Xã Hạ Long
42	Nhà Nghỉ Thái Ninh	24	Vũ Văn Giá	874089	Xã Hạ Long
43	Nhà Nghỉ Tuyết Tuyết	16	Trần Thị Tuyết	874256	Khu 5 – thị trấn Cái Rồng
44	Nhà Nghỉ Việt Úc	12	Đông Thị Hợi	796686	Thôn Đông Tiến – Đông Xá
	Tổng	602			